

Số: **350** /BC-UBND

Đông Hà, ngày **01** tháng **12** năm 2023

**BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2023,  
dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2024**

**Phần thứ nhất**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH  
NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

Thực hiện Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023; Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các huyện, thành phố, thị xã; Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Đông Hà Khóa XII, Kỳ họp thứ 12 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Năm 2023 là năm thứ 3 thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 – 2025; năm thứ 2 thành phố thực hiện tự cân đối chi thường xuyên. Trong bối cảnh cả nước, tỉnh Quảng Trị nói chung và thành phố Đông Hà nói riêng đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Sản xuất kinh doanh trên địa bàn phục hồi chậm; tình hình thị trường bất động sản tiếp tục trầm lắng làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn, đặc biệt nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất do thành phố tổ chức. Thực hiện Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2023, với quyết tâm chính trị cao, phấn đấu hoàn thành dự toán thu - chi ngân sách năm 2023, UBND thành phố đã tích cực, chủ động điều hành ngân sách đảm bảo nguồn lực phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

**A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2023**

Thực hiện Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2023, với quyết tâm chính trị cao, phấn đấu hoàn thành dự toán thu - chi ngân sách năm 2023, UBND thành phố, Ban chỉ đạo thu ngân sách thành phố đã chủ động, tích cực thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp và đã đạt được nhiều kết quả; song tiến độ thu ngân sách trên địa bàn vẫn chưa đảm bảo tiến độ theo yêu cầu đặt ra. Cụ thể:

## I. Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách

Năm 2023, chỉ tiêu thu ngân sách trên địa bàn theo dự toán HĐND tỉnh giao là 523 tỷ đồng, HĐND thành phố phân đầu là 721 tỷ đồng; trong đó giao thu tiền sử dụng đất là 320 tỷ đồng (*tăng 188 tỷ đồng so với dự toán tỉnh giao*); giao thu từ thuế phí 385,9 tỷ đồng, thu khác ngân sách 14,3 tỷ đồng, thu tại phường 0,8 tỷ đồng.

Để thực hiện hoàn thành dự toán được giao, ngày 22/12/2022 UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 2686/QĐ-UBND về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương cho các đơn vị, ban ngành, đoàn thể trực thuộc năm 2023; triển khai dự toán thu ngân sách đến từng cơ quan, đơn vị; ban hành Công văn chỉ đạo để đẩy nhanh tiến độ thực hiện; tổ chức họp Ban chỉ đạo thu ngân sách thành phố để triển khai nhiệm vụ cả năm và giao ban quý để đôn đốc thực hiện; giao dự toán thu ngân sách đối với các doanh nghiệp trên địa bàn được phân cấp quản lý thu; ban hành kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2023.

Tuy nhiên, trước bối cảnh tình hình kinh tế tiếp tục khó khăn, trong năm không có các khoản thu tạo đột biến; thị trường bất động sản tiếp tục trầm lắng; Chính phủ tiếp tục thực hiện các chính sách miễn, giảm một số khoản thu ngân sách. Vì vậy, mặc dù đã rất nỗ lực thực hiện đồng bộ các giải pháp và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, nhưng vẫn không đảm bảo hoàn thành dự toán thu ngân sách trên địa bàn năm 2023 đã đề ra, cụ thể:

### 1. Tổng thu ngân sách trên địa bàn

Ước thu ngân sách trên địa bàn năm 2023 thực hiện 491,629 tỷ đồng/721 tỷ đồng, đạt 68,19% dự toán của thành phố, cụ thể:

#### 1.1. Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí

Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí ước thực hiện 376,529 tỷ đồng/385,9 tỷ đồng đạt 97,57% dự toán thành phố giao, tương ứng với số hụt 9,371 tỷ đồng, trong đó:

- Thuế công thương nghiệp thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước ước thực hiện 4,269 tỷ đồng/2 tỷ đồng đạt 213,45% dự toán thành phố giao.

- Thuế công thương nghiệp thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 0,242 tỷ đồng, khoản thu này không giao dự toán

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh ước thực hiện 231,974/204,83 tỷ đồng, vượt 13,25% dự toán thành phố, tương ứng với số vượt thu 27,144 tỷ đồng. Năm 2023, Chính phủ đã có các chính sách tài khóa chủ động, tích cực tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân. Tuy nhiên tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh trên địa bàn chưa có chuyển biến rõ nét, việc hoạt động trở lại còn gặp nhiều khó khăn, doanh thu sụt giảm. Trước tình hình thu ngân sách năm 2023 còn gặp nhiều khó khăn, dưới sự chỉ đạo của Thành ủy, HĐND thành phố và các cấp các ngành, sự tích cực trong hoạt động rà soát các khoản thu, nợ thuế, tổ chức các cuộc kiểm tra thu hồi nợ

động thuế để nhằm cố gắng phấn đấu vượt dự toán để bù đắp một phần các khoản thu thuế khác như lệ phí trước bạ, thuế thu nhập cá nhân dự báo sẽ không thể đạt dự toán do tình hình thị trường bất động sản cả nước nói chung và thành phố Đông Hà nói riêng rất trầm lắng, gần như đóng băng.

- Lệ phí trước bạ ước thực hiện 60,76 tỷ đồng/93,94 tỷ đồng, đạt 64,68% dự toán thành phố giao, tương ứng với số hụt thu 33,18 tỷ đồng

- Thuế thu nhập cá nhân ước thực hiện 36,886 tỷ đồng/43,56 tỷ đồng đạt 84,68% dự toán thành phố giao, tương ứng với số hụt thu 6,674 tỷ đồng

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ước thực hiện 10 tỷ đồng/9,3 tỷ đồng, vượt 7,53% dự toán thành phố, tương ứng với số vượt 0,7 tỷ đồng.

- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước ước thực hiện 16,5 tỷ đồng/20 tỷ đồng, đạt 82,5% dự toán thành phố giao tương ứng với số hụt thu 3,5 tỷ đồng

- Thu phí, lệ phí ước thực hiện 10,047 tỷ đồng/9,2 tỷ đồng, vượt 9,21% dự toán thành phố giao, tương ứng với số thu vượt 0,847 tỷ đồng

#### 1.2. Thu tiền sử dụng đất

Thu tiền sử dụng đất ước thực hiện 100 tỷ/320 tỷ đồng đạt 31,25% dự toán thành phố giao

1.3. Thu khác ngân sách ước thực hiện 14,3 tỷ đồng/14,3 tỷ đồng đạt 100% dự toán thành phố giao

1.4. Thu tại phường ước thực hiện 0,8 tỷ đồng/0,8 tỷ đồng, đạt 100% dự toán thành phố giao

#### 2. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 22,595 tỷ đồng,

Trong đó:

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 0 đồng,

- Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 22,595 tỷ đồng.

**3. Thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 sử dụng và quyết toán: 275,935 tỷ đồng**

#### 4. Thu kết dư ngân sách năm 2022: 18,989 tỷ đồng

*(Chi tiết tại Biểu 01-TH)*

## II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

Trên cơ sở dự toán HĐND thành phố thông qua, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương cho các đơn vị, ban ngành, đoàn thể trực thuộc; thực hiện điều hành chi ngân sách đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## **Ước thực hiện chi ngân sách cả năm 2023**

Tổng chi ngân sách ước thực hiện 673,688 tỷ đồng/700,728 tỷ đồng, đạt 96,14% dự toán thành phố, bao gồm các khoản chi chủ yếu

### **1. Chi đầu tư phát triển**

Ước thực hiện chi đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách thành phố: 205,345/205,345 tỷ đồng (đạt 100%) (Theo phương án điều chỉnh giảm 102,045 tỷ đồng vốn kế hoạch; trong điều kiện thực hiện khi đảm bảo nguồn thu tiền sử dụng đất).

Năm 2023 thị trường bất động sản trên cả nước, tỉnh Quảng Trị nói chung và thành phố Đông Hà nói riêng rất trầm lắng, do đó dù thành phố đã sử dụng các biện pháp như điều chỉnh giảm giá khởi điểm, tổ chức các phiên đấu giá liên tục nhưng số người tham gia đấu giá rất ít và dự kiến năm 2023 số thu tiền sử dụng đất chỉ đạt 100/320 tỷ đồng. UBND thành phố đã điều hành ngân sách trong điều kiện hụt thu tiền sử dụng đất như chủ động sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi tiền sử dụng đất các năm trước chuyển sang năm 2023 để bố trí vốn cho các công trình thuộc kế hoạch đầu tư năm 2023 trong điều kiện nguồn vốn đầu tư công năm 2023 bị thiếu hụt do không thu được tiền sử dụng đất số tiền 60 tỷ đồng. Huy động thêm từ các nguồn khác để bổ sung như nguồn tăng thu, tiết kiệm chi tiền sử dụng đất các năm trước chuyển sang năm 2023 để bố trí vốn cho những công trình cấp bách cần thiết triển khai để phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đến thời điểm này đã phân bổ 8,766 tỷ đồng; tiếp cận để ứng nguồn quỹ phát triển đất của tỉnh theo kế hoạch được duyệt; đồng thời, cắt giảm vốn 102,045 tỷ đồng thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2023.

### **2. Chi thường xuyên**

Chi thường xuyên ước thực hiện 449,515 tỷ đồng, vượt 25,8% dự toán thành phố giao; chi thường xuyên tăng chủ yếu gồm các khoản: bổ sung kinh phí do tăng lương cơ sở, bổ sung từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu như kinh phí miễn thu dịch vụ thủy lợi, đất trồng lúa, kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; kinh phí sự nghiệp năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023; bổ sung từ nguồn kinh phí chuyển nhiệm vụ chi, tăng thu.

### **3. Chi dự phòng: 7 tỷ đồng**

**4. Chi từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ: 11,828 tỷ đồng**

*(Chi tiết tại Biểu 02-TH)*

Công tác điều hành chi ngân sách đảm bảo theo dự toán đề ra, triển khai thực hiện tốt các mục tiêu kế hoạch, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương, các khoản chi tiêu bảo đảm đúng chế độ chính sách theo Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành, phục vụ tốt cho thực hiện nhiệm vụ của thành phố cũng như đầu tư phát triển, hoạt động của bộ máy nhà nước.

### III. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

#### 1. Về thực hiện dự toán thu ngân sách năm 2023

- Năm 2023 Quốc hội, Chính phủ ban hành nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân khôi phục sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế làm tác động lớn đến thu NSNN năm 2023 như giảm 2% thuế GTGT áp dụng từ ngày 01/7/2023 theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 44/2023/NĐ-CP của Chính phủ; gia hạn thời gian nộp thuế GTGT, TNDN, TNCN và tiền thuê đất trong năm 2023 theo Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ảnh hưởng lớn đến kết quả cùng như tiến độ thu ngân sách từ các khoản thuế, phí (đối với giảm 2% thuế GTGT áp dụng từ ngày 01/7/2023 đã ảnh hưởng làm hụt thu ngân sách thành phố khoảng 20 tỷ đồng; giảm tiền thuê đất 30% làm hụt thu ngân sách thành phố gần 5 tỷ đồng).

- Tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn tiếp tục đối mặt với những khó khăn nhất định, nhất là dịch vụ ăn uống, karaoke; nhiều doanh nghiệp, hộ kinh doanh thiếu ổn định, diện hộ nghỉ, bỏ, thay đổi địa điểm kinh doanh lớn gây khó khăn cho công tác quản lý thuế.

- Đầu năm 2023, Cục Thuế tỉnh đã điều chuyển một số doanh nghiệp có số nộp ngân sách lớn, có số thu ổn định từ Chi cục Thuế khu vực Đông Hà – Cam Lộ lên Cục thuế quản lý thu cũng đã làm giảm nguồn thu của thành phố.

- Đặc biệt thị trường bất động sản năm 2023 tiếp tục trầm lắng, công tác đấu giá quyền sử dụng đất gặp rất nhiều khó khăn đã ảnh hưởng đến nguồn thu chính để chi cho đầu tư phát triển (dự kiến hụt 220/320 tỷ so với dự toán); kéo theo rất nhiều các khoản thu khác gặp khó khăn như thu tiền thuế TNCN, lệ phí trước bạ dự kiến không đạt dự toán giao; thu từ các doanh nghiệp xây dựng khi được giải ngân nguồn vốn.

#### 2. Về thực hiện dự toán chi ngân sách năm 2023

- Nguồn thu tiền sử dụng đất gặp nhiều khó khăn, gây ảnh hưởng lớn đến nguồn thu chính để thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 nói chung và kế hoạch đầu tư công năm 2023 nói riêng (phải điều chỉnh cắt giảm kế hoạch vốn), nếu tình trạng nêu trên còn kéo dài sẽ rất khó khăn cho việc bố trí nguồn vốn để thực hiện kế hoạch đầu tư công (nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách thành phố).

- Dự toán chi thường xuyên năm 2023 của thành phố được giữ nguyên kinh phí thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025. Tuy nhiên, nhu cầu để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội ngày càng tăng, đặc biệt là nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường, nhiều tuyến đường, vỉa hè của thành phố được xây dựng đưa vào sử dụng, hệ thống cây xanh, vườn hoa mini, hệ thống chiếu sáng được bàn giao cho thành phố duy trì, chăm sóc ngày càng nhiều, tiền điện chiếu sáng tăng, cùng với đó là mức lương cơ sở, mức lương tối thiểu vùng tăng làm vượt quá khả năng cân đối ngân sách của thành phố.

- Nhiệm vụ diễn tập khu vực phòng thủ tham gia 02 nội dung, làm phát sinh kinh phí; một số nhiệm vụ phát sinh do yêu cầu cấp bách của thành phố và theo chỉ đạo của cấp trên diễn ra trên địa bàn thành phố khá nhiều, nhất là các hoạt động của tỉnh trên địa bàn thành phố (lễ kỷ niệm, hoạt động văn hóa....) phải sử dụng nguồn dự phòng để xử lý, ảnh hưởng đến việc thực hiện dự toán được giao.

- Các trường học trên địa bàn thành phố được đầu tư xây dựng chủ yếu từ nguồn đầu giá quyền sử dụng đất của thành phố và một phần nhỏ kinh phí cải tạo sửa chữa từ nguồn sự nghiệp giáo dục, đào tạo (các trường học trên địa bàn không được thụ hưởng từ các nguồn kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia) nên dù rất được thành phố quan tâm ưu tiên bố trí vốn nhưng nhu cầu đề đầu tư xây dựng mới trường lớp học vẫn còn rất nhiều.

## **Phần thứ hai** **XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC** **NĂM 2024**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2024, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026;

Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ về việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng;

Căn cứ Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 30/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội thành phố giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ kết quả thực hiện dự toán NSNN năm 2023 và dự báo tình hình năm 2024 bên cạnh những yếu tố thuận lợi, kinh tế cả nước đang phục hồi, là năm tăng tốc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn thách thức; HĐND tỉnh tiếp tục giao dự toán thành phố tự cân đối chi thường xuyên, UBND thành phố xây dựng dự toán NSNN năm 2024 như sau:

## I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

Tổng thu NSNN trên địa bàn là 702,2 tỷ đồng; nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn năm 2024 là 380 tỷ đồng, bằng 97% so với số ước thực hiện năm 2023<sup>1</sup>,

### ***Trong đó:***

- Thu thuế, phí, lệ phí:	369,000 tỷ đồng
- Thu tiền sử dụng đất:	322,200 tỷ đồng
- Thu khác ngân sách:	10,700 tỷ đồng
- Thu tại phường:	0,300 tỷ đồng
<b>* Tổng thu cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>765,189 tỷ đồng</b>
Bao gồm:	
- Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp:	676,390 tỷ đồng
- Thu bổ sung cân đối:	0 tỷ đồng
- Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh:	88,799 tỷ đồng

*Chi tiết tại Biểu 02-DT*

## II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH

<b>Tổng chi NSDP năm 2024:</b>	<b>765,189 tỷ đồng</b>
<b>1. Chi đầu tư phát triển:</b>	<b>305,154 tỷ đồng</b>
- Chi XDCB tập trung:	5,154 tỷ đồng
- Chi đầu tư từ tiền sử dụng đất:	300,000 tỷ đồng
<b>2. Chi thường xuyên:</b>	<b>412,754 tỷ đồng</b>
+ Ngân sách thành phố:	360,881 tỷ đồng
+ Ngân sách phường:	51,873 tỷ đồng

Dự toán chi thường xuyên cấp thành phố giao cho các cơ quan đơn vị đã trừ tiết kiệm 10% để tạo nguồn cải cách tiền lương theo chế độ quy định, kinh phí chi thường xuyên của UBND các phường chưa trừ tiết kiệm 10%, gồm những khoản chi chủ yếu sau:

### 2.1. Chi quản lý nhà nước

#### 2.2.1. Cấp thành phố

Căn cứ định mức HĐND tỉnh quy định, khả năng thu và hoạt động thực tiễn của từng đơn vị, UBND thành phố dự kiến bố trí như sau:

- Biên chế để tính toán quỹ lương: Theo phân bổ biên chế hành chính, sự nghiệp được duyệt năm 2023 (Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh, Quyết định số 493-QĐ/TU ngày 12/01/2023 của Thành ủy

<sup>1</sup> Ước thực hiện thu ngân sách trên địa bàn năm 2023 loại trừ tiền sử dụng đất là: 391,629 tỷ đồng

Đông Hà về việc giao biên chế khối Đảng, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố năm 2023; Thông báo số 01/TB-UBND ngày 06/01/2023 của UBND thành phố về việc phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính, số người làm việc và hợp đồng lao động năm 2023, Thông báo số 02/TB-UBND ngày 06/01/2023 của UBND thành phố Đông Hà về việc phân bổ chỉ tiêu số người làm việc tại các đơn vị trường học năm 2023 và các thông báo của UBND thành phố Đông Hà về việc điều chỉnh chỉ tiêu sự nghiệp giáo dục năm 2023). Quỹ tiền lương đã tính theo mức lương tối thiểu 1,8 triệu đồng.

- Phụ cấp công vụ 25% cho khối QLNN, Đảng - Đoàn thể; phụ cấp khối Đảng, đoàn thể 30%.

- Chi các phụ cấp khác theo các văn bản liên quan như phụ cấp báo cáo viên, phụ cấp cấp ủy Đảng, cộng tác viên dư luận xã hội, phụ cấp phục vụ cấp ủy, chế độ sinh hoạt phí đối với ủy viên UBMTTQ cấp huyện không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, kinh phí phụ cấp Ban chỉ đạo 35.

- Chi hỗ trợ hoạt động của các chức danh do HĐND bầu theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, hoạt động phí của đại biểu HĐND theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Ngoài quỹ lương và các khoản có tính chất lương, mỗi biên chế được bố trí 12,96 triệu đồng/năm (định mức chưa trừ tiết kiệm là 14,4 triệu đồng) cán bộ hợp đồng bố trí 10,8 triệu đồng/năm.

Định mức trên bao gồm các nội dung sau:

+ Chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan (bao gồm tiền thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị phí, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu...).

+ Chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm (bao gồm chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra...)

+ Chi mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan.

- Đối với biên chế chưa có mặt (chênh lệch giữa biên chế được giao và biên chế có mặt) được giao tiền lương bằng mức lương chuyên viên bậc 1 hệ số 2,34.

### 2.2.2. Cấp phường<sup>2</sup>

Căn cứ định mức HĐND tỉnh quy định, khả năng thu và hoạt động thực tiễn của từng phường, UBND thành phố dự kiến bố trí như sau:

- Thành phố bố trí đủ lương và các khoản có tính chất lương bao gồm lương, phụ cấp, bảo hiểm của cán bộ luân chuyển; bố trí định mức 10,4 triệu đồng/biên chế/năm; hoạt động phí của đại biểu HĐND theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-

<sup>2</sup> Chi tại phường là chỉ tiêu hướng dẫn, căn cứ vào tình hình địa phương Ủy ban nhân dân phường xây dựng phương án dự toán ngân sách của đơn vị mình trình Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định.



UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; phụ cấp cấp uỷ Đảng; Hỗ trợ cán bộ thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC.

- Hỗ trợ kinh phí đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố thực hiện theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 21/04/2020 của HĐND tỉnh Quảng Trị.

- Kinh phí hoạt động đã bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo thời kỳ ổn định ngân sách như:

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" theo quy định tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Quảng Trị.

+ Hoạt động Ban Thanh tra nhân dân: 05 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

+ Kinh phí giám sát đầu tư của cộng đồng: 10 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

+ Hoạt động của cấp uỷ, UBND phường: 180 triệu/phường/năm

+ Hoạt động của HĐND cấp phường (bao gồm hỗ trợ hoạt động của các chức danh do HĐND bầu theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị): 8,5 triệu đồng/đại biểu/năm

- Ngoài các định mức tỉnh đã bố trí, thành phố hỗ trợ tăng thêm để đảm bảo hoạt động của các phường như kinh phí tổ hoà giải cơ sở, kinh phí phổ biến, tuyên truyền pháp luật, hỗ trợ phường khó, sự nghiệp thể dục thể thao.

- Năm 2024 bố trí kinh phí tăng thêm để hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Hội Liên hiệp thanh niên phường nhiệm kỳ 2024-2029; Đại hội Mặt trận cơ sở nhiệm kỳ 2024-2029.

## 2.2. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo

### 2.2.1. Cấp thành phố

- Năm 2024, trực tiếp phân bổ kinh phí cho các trường công lập trực thuộc theo Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/09/2018 của Chính phủ, bao gồm: Tiền lương, các khoản có tính chất lương bố trí theo kế hoạch biên chế được giao; đối với các trường học chưa tuyển đủ giáo viên thì bố trí quỹ lương bậc 1 (hệ số 2,34); kinh phí tăng ngạch bậc thường xuyên; kinh phí chi thường xuyên phục vụ công tác dạy và học; kinh phí hỗ trợ hoạt động các trường, sửa chữa mua sắm tài sản; lương bảo vệ của khối tiểu học; kinh phí điều tra phổ cập; hỗ trợ thêm trường khó, trường có nhiều cơ sở;

- Chi tiền lương và chi thường xuyên cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên thành phố, hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản.

- Chi cho Phòng Giáo dục và Đào tạo để đảm bảo hoạt động chung của ngành (Đã bao gồm kinh phí bồi dưỡng học sinh giỏi, hoạt động kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11).

- Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị

- Kinh phí nâng cấp, sửa chữa trường lớp.

- Kinh phí tăng lương trước hạn, chênh lệch hệ số lương do luân chuyển, tuyển dụng giáo viên, chuyển ngạch...

- Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách: Chi phí học bổng và hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật; Kinh phí thực hiện hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo; Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND về hỗ trợ đóng BHXH cho lao động hợp đồng vị trí nấu ăn các trường mầm non công lập; Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập theo Nghị quyết số 106/2021/NQ-HĐND; Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho giáo viên và nhân viên làm việc liên trường hoặc nhiều điểm trường theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND

- Chi lương, kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên, kinh phí mở lớp của Trung tâm Chính trị thành phố.

- Chi hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của thành phố

### 2.2.2. Cấp phường:

Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục cấp xã (bao gồm hoạt động của Trung tâm hoạt động cộng đồng và chế độ phụ cấp của cán bộ làm công tác quản lý Trung tâm học tập cộng đồng)

### 2.3. Chi đảm bảo xã hội

- Thành phố: Bố trí theo định mức phân bổ của tỉnh và các hoạt động tăng thêm của thành phố.

- Phường: Ngoài phụ cấp cán bộ xã nghỉ việc, định mức của tỉnh, chi mừng thọ người cao tuổi; kinh phí chăm sóc nghĩa trang phường, thành phố bố trí tăng thêm giám định y khoa cho các đối tượng.

### 2.4. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin

- Thành phố:

+ Các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện kinh tế, chính trị, xã hội, các hoạt động văn nghệ, thể thao, ....

+ Kinh phí chi trả nhuận bút, thời sự hàng ngày và chuyên mục Đông Hà thành phố hôm nay, chuyên trang trên báo Quảng Trị

+ Kinh phí lương, các khoản đóng góp, định mức chi thường xuyên của cán bộ viên chức Trung tâm Văn hoá thông tin – Thể dục thể thao thành phố.

- Phường:

+ Định mức tính quy định: 20,8 triệu đồng/phường/năm; hoạt động truyền thanh và các hoạt động thông tin khác 10 triệu/phường/năm.

+ Hỗ trợ Ban công tác Mặt trận Khu dân cư xây dựng đời sống văn hoá 5 triệu đồng/khu dân cư.

#### 2.5. Chi sự nghiệp thể dục thể thao

- Thành phố: Xây dựng chung trong chi hoạt động của Trung tâm Văn hóa Thông tin – Thể dục thể thao.

- Phường: Định mức của tỉnh 17,3 triệu đồng/phường/năm

#### 2.6. Chi sự nghiệp y tế

Kinh phí mua bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội, hoạt động của ban dân số cấp phường.

#### 2.7. Chi an ninh - quốc phòng

- Thành phố: Đảm bảo hoạt động cho an ninh, quân sự địa phương, trong đó: Đối với lĩnh vực an ninh bố trí tăng thêm để thực hiện các nhiệm vụ: Hỗ trợ mô hình phòng, chống tội phạm tại khu dân cư; phòng chống ma túy; công tác phòng cháy chữa cháy...; thực hiện các đề án do HĐND thành phố thông qua.

- Phường: bố trí phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ, ban bảo vệ dân phố; trực, huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, tuần tra...

#### 2.8. Chi sự nghiệp kinh tế

Chi sự nghiệp kinh tế ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị đảm bảo điều kiện đưa Đông Hà lên đô thị loại II, gồm:

- Thành phố:

+ Bố trí kinh phí Chi cho nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên từ nguồn thu tiền sử dụng đất theo Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của HĐND tỉnh.

+ Kinh phí thực hiện hỗ trợ phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố Đông Hà: 1,54 tỷ đồng, trong đó xây dựng, phát triển CSHT sản xuất nông nghiệp: 1,090 tỷ đồng; hỗ trợ các chính sách: 0,45 tỷ đồng.

+ Các nhiệm vụ duy tu, sửa chữa hệ thống đường giao thông, thoát nước; xây dựng tuyến hoa Tết Nguyên Đán, công tác quy hoạch đô thị, thực hiện sửa chữa, nâng cấp các công trình khác, kinh phí thực hiện các đề án do thành phố ban hành....

+ Kinh phí để trả nợ khối lượng hoàn thành các công trình sự nghiệp có tính chất đầu tư; bố trí các công trình khởi công mới theo Công văn của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

- Phường: Định mức tính quy định: 51,7 triệu đồng/phường/năm; thành phố bố trí thêm kinh phí chính lý biến động đất đai 20 triệu đồng/phường/năm.

### 2.9. Chi sự nghiệp môi trường

- Thành phố:

+ Các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường, kiểm tra giám sát bảo vệ môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm; Thu gom, vận chuyển và xử lý bao bì thuốc BVTV trên địa bàn thành phố; Phân tích, đánh giá các điểm tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật;

+ Các hoạt động môi trường công ích: vệ sinh môi trường; công tác duy trì cây xanh đô thị; duy trì, sửa chữa hệ thống thoát nước, hồ điều hòa; kinh phí vận hành trạm xử lý nước thải; Chi phí vận hành Trạm quan trắc tự động...

- Phường: Hỗ trợ chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn xã, phường, thị trấn: 20 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

### 2.10. Chi khác ngân sách.

Thành phố: Đã bố trí phụ cấp và kinh phí hoạt động cho các hội đặc thù thuộc thành phố; Hỗ trợ các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu địa phương, hỗ trợ công tác thu và các nội dung hỗ trợ khác.....

Phường: Kinh phí chi khác 24-33 triệu đồng mỗi phường/năm

**3. Chi dự phòng: 11,088 tỷ đồng**

- Chi dự phòng ngân sách thành phố: 10,050 tỷ đồng

- Chi dự phòng ngân sách phường: 1,038 tỷ đồng

**4. 10% tiết kiệm chi thường xuyên tạo nguồn CCTL: 8,900 tỷ đồng**

**5. Chi từ nguồn tăng thu để cải cách tiền lương: 9,105 tỷ đồng**

**6. Chi từ nguồn NS tỉnh hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ: 18,188 tỷ đồng**

*(Chi tiết theo các phụ biểu đính kèm)*

## III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

### 1. Về thu ngân sách

#### 1.1. Một số nhiệm vụ, giải pháp chung:

- Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra, cùng với kết quả thực hiện dự toán thu năm 2023, tập trung phân tích đánh giá những yếu tố chủ quan, khách quan ảnh hưởng đến nguồn thu để kịp thời chỉ đạo điều hành công tác thu ngân sách từ những tháng đầu của năm 2024, phấn đấu hoàn thành dự toán thu để đảm bảo cân đối ngân sách và ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 27/7/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đông Hà. Tăng cường kỷ luật tài chính, đề cao vai trò, trách nhiệm của tập thể và cá nhân người đứng đầu trong nhiệm vụ thu ngân sách, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng, phải thực hiện đồng bộ, huy động cả hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở.

- Xác định tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 tiếp tục vẫn còn gặp nhiều thách thức do tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh vẫn đang còn nhiều khó khăn, thách thức, sức cạnh tranh ngày càng lớn; thị trường bất động sản vẫn rất trầm lắng. Các cấp các ngành, các cơ quan đơn vị phải chung tay, có giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh để thu hút đầu tư, nuôi dưỡng nguồn thu bền vững cho NSNN.

## 1.2. Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể:

### 1.2.1. Chi cục Thuế Khu vực Đông Hà - Cam Lộ

Là lực lượng nòng cốt, Chi cục Thuế Khu vực Đông Hà - Cam Lộ phát huy vai trò cơ quan thường trực Ban chỉ đạo thu ngân sách thành phố; triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thu NSNN ngay từ những ngày đầu của năm 2024, theo đó:

- Căn cứ kết quả thu ngân sách năm 2023, trên cơ sở rà soát, phân tích, đánh giá khả năng của từng khoản thu, lĩnh vực, địa bàn, để giao nhiệm vụ thu cho các Đội Thuế, từng CBCC thuế, nhằm hoàn thành cao nhất dự toán thu năm 2024 (*giao chỉ tiêu phải có tỷ lệ cao hơn để có sự phấn đấu*); tham mưu giao dự toán nộp ngân sách cho các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Khắc phục các tồn tại, hạn chế khó khăn, trong công tác thu ngân sách của năm 2023 và các năm trước (tình trạng chậm ban hành và còn sai sót trong lập bộ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp).

- Tăng cường các biện pháp tuyên truyền để phổ biến các chính thuế mới đến người nộp thuế, người dân trên địa bàn. Tích cực biểu dương, khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác thu nộp thuế; có các giải pháp để động viên, nuôi dưỡng nguồn thu.

- Tiến hành rà soát, sàng lọc tình hình sử dụng hóa đơn của các doanh nghiệp, xác định các trường hợp rủi ro, có nghi vấn, thực hiện kiểm tra yêu cầu xuất hóa đơn và kê khai thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh thương mại có số hàng tồn kho trên sổ sách lớn, không đúng thực tế. Tập trung nguồn lực đẩy mạnh công tác kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế, đảm bảo hoàn thành kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp bao gồm cả kế hoạch kiểm tra bổ sung của Cục Thuế giao; đồng thời phấn đấu tăng thu qua kiểm tra để bù đắp số một phần số hụt thu qua khai thuế của doanh nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện có hiệu quả thu thuế đối với hoạt động xây dựng công trình, nhà ở tư nhân trên địa bàn thành phố theo Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/5/2019 của UBND thành phố về việc tăng cường công tác quản lý thuế hoạt động nhận thầu xây dựng nhà ở tư nhân và kinh doanh vận tải tư nhân trên địa bàn thành phố. Triển khai quy chế phối hợp với Công an thành phố thực hiện phối hợp xử lý thu thuế đối với chủ phương tiện kinh doanh vận tải tư nhân trên địa bàn.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch chống thất thu thuế đối với hộ kinh doanh và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, theo chỉ đạo của Tổng cục Thuế tại Quyết định số 1359/QĐ-TCT và kế hoạch của Cục Thuế. Tập trung đôn đốc thu nợ thuế, cương quyết sử dụng các biện pháp cưỡng chế để thu hồi thuế nợ đọng vào NSNN đúng quy định. Thực hiện tốt công tác quản lý thu, phân đầu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế xuống dưới 5% tổng thu NSNN năm 2024.

- Thành lập Đoàn Kiểm tra liên ngành để thu nợ thuế đồng thời đề xuất bổ sung nhiệm vụ kiểm tra, khảo sát doanh thu hộ có rủi ro cao về thuế để thực hiện kiểm tra chống thất thu theo kế hoạch đề ra. Kịp thời nắm bắt và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và duy trì sản xuất.

- Xây dựng kế hoạch, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố thực hiện kiểm tra tình hình quản lý thu phí, lệ phí tại các phường và một số cơ quan đơn vị có tổ chức thu phí, lệ phí trên địa bàn. Tăng cường kiểm tra giám sát hộ nghỉ, bỏ kinh doanh xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng thông báo nghỉ để trốn thuế. Tổ chức thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tại các phường, bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu thu thuế phi nông nghiệp tại các phường.

- Chủ động rà soát, phối hợp với các chủ đầu tư thực hiện thu thuế XDCCB vắng lai 2% trên địa bàn khi thanh toán vốn, đồng thời cung cấp danh sách doanh nghiệp nợ thuế cho các chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước để thực hiện thu nợ thuế khi thanh toán vốn cho doanh nghiệp có nợ thuế.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính thuế, tạo điều kiện thuận lợi để người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế đơn giản, nhanh, gọn. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai dịch vụ nộp thuế điện tử. Rà soát những tồn tại, vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành chính thuế, nhất là những thủ tục về ưu đãi thuế có liên quan đến đất đai... để phối hợp giải quyết kịp thời, nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động SXKD, góp phần tăng thu ngân sách.

- Tham mưu cho Ban Chỉ đạo thu ngân sách thành phố trong quá trình chỉ đạo điều hành thu ngân sách để có những giải pháp chỉ đạo kịp thời, linh hoạt trong công tác thu ngân sách; thực hiện tham mưu giao ban định kỳ Ban chỉ đạo thu ngân sách thành phố.

#### 1.2.2. Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Chủ động theo dõi, tham mưu UBND thành phố chỉ đạo thực hiện dự toán thu ngân sách đảm bảo tiến độ; theo dõi, phối hợp chặt chẽ với Chi cục Thuế

Khu vực Đông Hà - Cam Lộ trong quá trình thực hiện dự toán thu ngân sách; báo cáo UBND thành phố xử lý kịp thời các khó khăn vướng mắc.

- Tích cực phối hợp Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố xây dựng, trình UBND thành phố ban hành Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2024, đề chủ động nguồn vốn bố trí các công trình đầu tư công.

#### 1.2.3. Các phòng, ban ngành, Ủy ban nhân dân các phường

- Các phòng, ban ngành Ủy ban nhân dân các phường xác định thu ngân sách là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt, ưu tiên tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành chính về đất đai để tăng thu từ tiền sử dụng đất và các khoản thuế phí khác. Đẩy mạnh công tác kiểm tra thu phí, lệ phí, bảo đảm việc thu đúng quy định.

- UBND các phường khẩn trương triển khai kế hoạch thực hiện dự toán năm 2024 với quyết tâm chính trị cao nhất; tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách thuế trên địa bàn; phát huy vai trò của cấp ủy và hệ thống chính trị đối với công tác thu ngân sách; phát huy tính chủ động của Hội đồng tư vấn thuế các phường đối với công tác thu ngân sách, đặc biệt là các khoản thu ngân sách phường hưởng 100%, đất công ích và các khoản thu nợ đọng thuế về đất đai.

- Nâng cao trách nhiệm của UBND các phường trong việc thực hiện Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/5/2019 của UBND thành phố về việc tăng cường công tác quản lý thuế hoạt động nhận thầu xây dựng nhà ở tư nhân và kinh doanh vận tải tư nhân trên địa bàn thành phố

#### 1.2.4. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố

Chủ trì, phối các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ thực hiện giao đất tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các dự án giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố; tiếp tục tháo gỡ khó khăn để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đảm bảo theo đúng kế hoạch; phấn đấu thu tiền sử dụng đất năm 2024 trên 320 tỷ đồng.

#### 1.2.5. Công an thành phố

Tăng cường phối hợp với Chi cục thuế để triển khai quy chế phối hợp xử lý thu thuế đối với chủ phương tiện kinh doanh vận tải tư nhân trên địa bàn; tham gia các Đoàn Kiểm tra liên ngành để thu nợ thuế.

#### 1.2.6. Đề nghị Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Trị

Chủ động phối hợp chặt chẽ với cơ quan trên địa bàn để hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản thu cho các cấp ngân sách. Thực hiện khấu trừ đầy đủ, kịp thời số thuế GTGT đối với công trình XD/CB bằng nguồn vốn ngân sách phát sinh trên địa bàn; khi thực hiện thanh toán vốn đầu tư cho các công trình, dự án thì kịp thời phối hợp với Chi cục thuế để thu hồi nợ thuế nộp NSNN.

1.2.7. Đề nghị UBMTVN và các đoàn thể thành phố phối hợp, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên mình hăng hái thi đua, lao

1.2.7. Đề nghị UBMTVN và các đoàn thể thành phố phối hợp, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên mình hăng hái thi đua, lao động sản xuất, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

## 2. Về chi ngân sách

Quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ trong quản lý, điều hành NSNN năm 2024 với những giải pháp sau:

- Tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật đầu tư công và các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; đảm bảo tập trung, chống dàn trải, ưu tiên bố trí thanh toán nợ XDCB, bố trí cho các dự án đã hoàn thành và có khả năng hoàn thành sớm, các dự án xây dựng CSHT tạo nguồn thu quỹ đất; không bố trí vốn cho các dự án mới không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc chưa thực sự cấp bách.

- Chủ động trong quản lý điều hành ngân sách nhà nước đảm bảo các khoản chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả:

+ Thực hành triệt để chính sách tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý và sử dụng NSNN. Trong lĩnh vực đầu tư công, thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư để chủ động triển khai thực hiện, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả. Trong lĩnh vực chi thường xuyên, cần quán triệt yêu cầu tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sửa chữa, sử dụng tài sản công và sử dụng NSNN. Phòng Tài chính - Kế hoạch, KBNN tỉnh Quảng Trị và đơn vị sử dụng NSNN cần tăng cường kiểm soát các khoản chi đảm bảo theo quy định, chế độ tài chính, kế toán.

+ Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao năng lực quản lý nhà nước; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra. Thực hiện chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu đơn vị nếu để xảy ra vi phạm, thất thoát, lãng phí ngân sách, tài sản công. Mở rộng cơ chế xã hội hoá đối với các hoạt động sự nghiệp có thu.

+ Thực hiện chế độ công khai NSNN các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ, các dự án XDCB có sử dụng ngân sách, các quỹ đóng góp của nhân dân... để tăng cường vai trò kiểm tra, thanh tra của các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị xã hội và nhân dân đối với những khoản thu - chi NSNN và việc huy động nguồn đóng góp của nhân dân, góp phần thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tăng cường công tác kiểm soát chi từ khâu dự toán đến kiểm soát quá trình cấp phát, giai đoạn sau khi chi (như thông qua kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo quyết toán).

- Thực hiện có hiệu quả Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý ngân sách, các chủ tài khoản và kế toán các đơn vị sử dụng ngân sách theo hướng chuyên môn hóa kỹ năng quản lý thực hiện nghiêm túc các quy trình



- Ngoài những dự án, nhiệm vụ quan trọng, kiên quyết chấm dứt việc chuyển nhiệm vụ được bố trí dự toán mà trong năm không thực hiện hết sang năm sau thực hiện.

- Các phường chủ động sử dụng dự phòng và các nguồn lực hợp pháp của địa phương để xử lý các nhiệm vụ cấp thiết về quốc phòng, an ninh, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định; ngân sách thành phố xem xét hỗ trợ khi các địa phương đã sử dụng dự phòng của địa phương để xử lý theo quy định.

- Tăng cường quản lý các quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách.

- Kho bạc Nhà nước tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ giải ngân, thanh toán vốn theo quy định; tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu, đảm bảo đúng chính sách, chế độ.

Để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ dự toán NSNN năm 2024, yêu cầu các phòng, ban, ngành, đoàn thể, các địa phương, đơn vị, doanh nghiệp nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao nhất, góp phần quan trọng cho việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2024 và kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021- 2025 mà Ban chấp hành Đảng bộ thành phố đã đề ra./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá VIII tại khu vực;
- BTV Thành uỷ, TT. HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- CVP, PVP HĐND và UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố khoá XII;
- Các phòng, ban, ngành thành phố;
- UBND các phường;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hồ Sỹ Trung**

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 350 /BC-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của UBND thành phố Đông Hà)

ĐVT: 1000 đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán Tỉnh giao 2023	DT thành phố giao 2023	Ước TH 2023	Tỷ lệ % TH/DT	
					Tỉnh	TP
	<b>Tổng thu ngân sách địa phương</b>	<b>534.828.000</b>	<b>732.828.000</b>	<b>809.149.009</b>	<b>151,29</b>	<b>110,41</b>
	- Trong đó: Ngân sách địa phương hưởng	512.128.000	700.728.000	784.550.009	153,19	111,96
<b>A</b>	<b>Tổng thu ngân sách trên địa bàn</b>	<b>523.000.000</b>	<b>721.000.000</b>	<b>491.629.000</b>	<b>94,00</b>	<b>68,19</b>
	- Trong đó: Ngân sách địa phương hưởng	500.300.000	688.900.000	467.030.000	93,35	67,79
<b>I</b>	<b>Thu từ thuế, phí</b>	<b>379.000.000</b>	<b>385.900.000</b>	<b>376.529.000</b>	<b>99,35</b>	<b>97,57</b>
1	Thu từ khu vực DNNN	5.600.000	2.000.000	4.269.000	76,23	213,45
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			242.000		
3	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	180.000.000	204.830.000	222.360.000	123,53	108,56
4	Thuế thu nhập cá nhân	65.000.000	43.560.000	43.000.000	66,15	98,71
5	Thu tiền cho thuê đất	20.500.000	20.000.000	20.000.000	97,56	100,00
6	Lệ phí trước bạ	90.000.000	93.940.000	60.760.000	67,51	64,68
7	Thuế SDD phi nông nghiệp	5.500.000	9.300.000	10.000.000	181,82	107,53
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
9	Thu phí, lệ phí:	10.400.000	9.200.000	10.047.000	96,61	109,21
9.1	Lệ phí môn bài		3.440.000	3.440.000		100,00
9.2	Phí, lệ phí					

TT	NỘI DUNG	Dự toán Tỉnh giao 2023	DT thành phố giao 2023	Ước TH 2023	Tỷ lệ % TH/DT	
					Tỉnh	TP
	- NS Tỉnh hưởng, TW	2.000.000	2.000.000	3.000.000	150,00	150,00
10	Thu có từ các doanh nghiệp Nhà nước	2.000.000	3.070.000	3.300.000	165,00	107,49
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			2.551.000		
II	<b>Thu tiền sử dụng đất</b>	<b>132.000.000</b>	<b>320.000.000</b>	<b>100.000.000</b>	<b>75,76</b>	<b>31,25</b>
1	Thu đầu giá QSD đất	132.000.000	300.000.000	25.000.000	18,94	8,33
-	Ngân sách tỉnh hưởng	6.600.000	15.000.000	1.250.000	18,94	8,33
2	Thu chuyển mục đích, cấp đất mới		20.000.000	75.000.000		375,00
-	Ngân sách tỉnh hưởng		1.000.000	3.750.000		375,00
III	<b>Thu khác ngân sách</b>	<b>11.500.000</b>	<b>14.300.000</b>	<b>14.300.000</b>	<b>124,35</b>	<b>100,00</b>
	- NS Tỉnh hưởng, TW	6.500.000	9.030.000	9.030.000	138,92	100,00
IV	<b>Các khoản thu tại phường</b>	<b>500.000</b>	<b>800.000</b>	<b>800.000</b>	<b>160,00</b>	<b>100,00</b>
B	<b>Thu bổ sung ngân sách tỉnh</b>	<b>11.828.000</b>	<b>11.828.000</b>	<b>22.595.372</b>	<b>191,03</b>	<b>191,03</b>
1	Bổ sung cân đối	0	0	0		
2	Bổ sung có mục tiêu	11.828.000	11.828.000	22.595.372	191,03	191,03
-	Bổ sung có mục tiêu thực hiện CCTL		0			
-	Bổ sung có mục tiêu thực hiện các nhiệm vụ	11.828.000	11.828.000	22.595.372	191,03	
-	Bổ sung thực hiện các chương trình, nhiệm vụ trong năm					
C	<b>Nguồn tự đảm bảo cải cách tiền lương năm trước chuyển sang</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
D	<b>Thu Kết dư</b>			<b>18.989.436</b>		
E	<b>Thu chuyển nguồn</b>			<b>275.935.201</b>		

Biểu số: 02-TH

## BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số **350**/BC-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023 của UBND thành phố Đông Hà)

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023 tỉnh giao	Dự toán năm 2023 thành phố giao	Ước thực hiện năm 2023	Tỷ lệ %	
					TH/DT tỉnh giao	TH/DT thành phố giao
A	B	1	1	2	6	7
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ</b>	512.128.000	700.728.000	673.688.649	131,55	96,14
A	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	500.300.000	688.900.000	661.860.649	132,29	96,07
1	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	132.790.000	307.390.000	205.345.000	154,64	66,80
a	Chi đầu tư XD/CB tập trung	7.390.000	7.390.000	7.390.000	100,00	100,00
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	125.400.000	300.000.000	197.955.000	157,86	65,99
c	Chi đầu tư từ nguồn chuyển nhiệm vụ	0	0			
2	<b>Chi thường xuyên</b>	357.504.000	357.324.500	449.515.649	125,74	125,80
a	Chi cho nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên		4.180.000	3.680.000		88,04
b	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		179.040.100	209.149.429		116,82
-	Sự nghiệp giáo dục		177.470.700	207.245.819		116,78
-	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề		1.569.400	1.903.610		121,30
c	Chi quốc phòng		6.737.630	11.875.260		176,25
d	Chi an ninh		4.437.320	9.408.496		212,03
e	Chi sự nghiệp y tế, dân số		1.310.800	2.391.800		182,47

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023 tỉnh giao	Dự toán năm 2023 thành phố giao	Ước thực hiện năm 2023	Tỷ lệ %	
					TH/DT tỉnh giao	TH/DT thành phố giao
<i>f</i>	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, phát thanh, truyền hình		3.483.500	4.204.536		120,70
<i>g</i>	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		245.700	242.970		98,89
<i>h</i>	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		29.429.000	40.591.380		137,93
<i>i</i>	Chi hoạt động kinh tế		34.575.400	58.601.220		169,49
<i>k</i>	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể		67.549.160	75.184.749		111,30
<i>l</i>	Chi bảo đảm xã hội		22.909.700	27.799.619		121,34
<i>m</i>	Chi khác		3.426.190	6.386.190		186,39
3	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
5	Dự phòng ngân sách (4% chi thường xuyên)	10.006.000	10.373.500	7.000.000	69,96	67,48
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		13.812.000			
B	Chi từ nguồn NS tính hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ	11.828.000	11.828.000	11.828.000	100,00	100,00
C	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					

Ghi chú: (1) bao gồm chi trả nợ gốc, lãi, phí và chưa bao gồm chi từ nguồn bội chi (nếu có).

Biểu số: 01-DT

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**  
(Kèm theo Báo cáo số 350/BC-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023  
của UBND thành phố Đông Hà)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán thành phố 2024
<b>I</b>	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>790.999.000</b>
<b>II</b>	<b>Tổng thu cân đối ngân sách</b>	<b>765.189.000</b>
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	676.390.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh	88.799.000
2.1	Bổ sung cân đối	
2.2	Bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh	88.799.000
<b>III</b>	<b>TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>765.189.000</b>
1	Chi đầu tư phát triển	305.154.000
2	Chi thường xuyên	412.753.800
3	Chi dự phòng	11.088.200
4	Chi từ nguồn tăng thu để cải cách tiền lương	9.105.000
5	Chi từ nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên để cải cách tiền lương	8.900.000
6	Chi từ NS tỉnh hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ	18.188.000



Biểu số: 02-DT

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số **350**/BC-UBND ngày **01** tháng **11** năm 2023 của UBND thành phố Đông Hà)

Đơn vị tính: 1000đ

STT	NỘI DUNG	Dự toán Tỉnh giao	Dự toán năm 2024	Trong đó	
				Thành phố	Phường
A	B	1	2=3+4	3	4
	<b>Tổng thu ngân sách địa phương (I+II+III)</b>	<b>588.799.000</b>	<b>790.999.000</b>	<b>764.528.000</b>	<b>26.471.000</b>
	<i>Trong đó: NS địa phương hưởng</i>	<i>572.249.000</i>	<i>765.189.000</i>	<i>738.718.000</i>	<i>26.471.000</i>
<b>I</b>	<b>Thu NS trên địa bàn (1+2+...+10)</b>	<b>500.000.000</b>	<b>702.200.000</b>	<b>675.729.000</b>	<b>26.471.000</b>
	<i>Trong đó: NS địa phương hưởng</i>	<i>483.450.000</i>	<i>676.390.000</i>	<i>649.919.000</i>	<i>26.471.000</i>
1	Thu từ khu vực DNNN	2.000.000	2.000.000	2.000.000	
2	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	223.800.000	227.500.000	221.123.500	6.376.500
3	Thu tiền sử dụng đất	137.000.000	322.200.000	322.200.000	
3.1	Thu đầu giá quyền sử dụng đất	137.000.000	300.000.000	300.000.000	
-	<i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>	<i>6.850.000</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>	
3.2	Thu cấp đất mới, bổ sung		22.200.000	22.200.000	
-	<i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>	<i>0</i>	<i>1.110.000</i>	<i>1.110.000</i>	
4	Thuế thu nhập cá nhân	45.000.000	45.000.000	34.500.500	10.499.500
5	Thu tiền cho thuê đất	14.700.000	20.000.000	20.000.000	
6	Lệ phí trước bạ	51.000.000	54.000.000	50.500.000	3.500.000
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000.000	10.000.000	5.000.000	5.000.000

STT	NỘI DUNG	Dự toán Tỉnh giao	Dự toán năm 2024	Trong đó	
				Thành phố	Phường
8	Thu phí, lệ phí: <i>Trong đó TW</i>	8.500.000 2.000.000	8.500.000 2.000.000	7.895.000 2.000.000	605.000
	<i>Lệ phí môn bài</i>		2.880.000	2.595.000	285.000
9	Thu cổ tức của các doanh nghiệp Nhà nước <i>Trong đó: Ngân sách tỉnh hưởng</i>	2.000.000 2.000.000	2.000.000 2.000.000	2.000.000 2.000.000	
10	Thu khác ngân sách <i>Trong đó: Ngân sách TW, tỉnh hưởng</i>	10.700.000 5.700.000	10.700.000 5.700.000	10.510.000 5.700.000	190.000
11	Các khoản thu tại phường	300.000	300.000	0	300.000
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung ngân sách tỉnh</b>	<b>88.799.000</b>	<b>88.799.000</b>	<b>88.799.000</b>	
1	Phân cấp quản lý thu để đảm bảo cân đối ngân sách	0	0		
2	Bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh	88.799.000	88.799.000	88.799.000	
2.1	<i>Bổ sung có mục tiêu thực hiện CCTL</i>	41.383.000	41.383.000	41.383.000	
2.2	<i>Bổ sung có mục tiêu do giám thu, tăng chi DTPT</i>	0	0	0	
2.3	<i>Bổ sung có mục tiêu hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ</i>	47.416.000	47.416.000	47.416.000	



## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2024

Biểu số: 03-DT

(Kèm theo Báo cáo số 350 /BC-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2023 của UBND thành phố Đông Hà)

ĐVT: 1.000đ

STT	NỘI DUNG	Dự toán tỉnh giao năm 2024	Dự toán thành phố 2024		
			Tổng số	Thành phố	Phường
	<b>Tổng chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>577.403.000</b>	<b>765.189.000</b>	<b>712.278.100</b>	<b>52.910.900</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>140.458.000</b>	<b>305.154.000</b>	<b>305.154.000</b>	<b>0</b>
1	Chi đầu tư từ tiền sử dụng đất	135.304.000	300.000.000	300.000.000	
2	Chi XD/CB tập trung	5.154.000	5.154.000	5.154.000	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>407.676.000</b>	<b>412.753.800</b>	<b>360.880.800</b>	<b>51.873.000</b>
	Chi cho nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai...				
1	từ nguồn thu tiền sử dụng đất	0	6.090.000	5.910.000	180.000
2	Chi sự nghiệp kinh tế	0	38.501.400	38.036.100	465.300
3	Chi sự nghiệp Môi trường	0	28.521.000	28.341.000	180.000
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	3.943.700	3.356.500	587.200
5	Chi sự nghiệp thể thao	0	245.700		245.700
6	Chi đảm bảo xã hội	0	23.191.200	21.080.000	2.111.200
7	Chi giáo dục - Đào tạo	0	217.904.900	217.364.900	540.000
7.1	Chi sự nghiệp giáo dục	0	216.252.000	215.712.000	540.000
7.2	Chi đào tạo	0	1.652.900	1.652.900	
8	Chi sự nghiệp Y tế, dân số	0	1.345.000	1.334.200	10.800
9	Chi quản lý hành chính	0	78.736.000	38.486.300	40.249.700
10	Chi quốc phòng	0	6.181.500	2.300.000	3.881.500

STT	NỘI DUNG	Dự toán tính giao năm 2024	Dự toán thành phố 2024		
			Tổng số	Thành phố	Phường
11	Chi an ninh	0	4.415.800	1.250.000	3.165.800
12	Chi khác ngân sách	0	3.677.600	3.421.800	255.800
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>11.081.000</b>	<b>11.088.200</b>	<b>10.050.300</b>	<b>1.037.900</b>
<b>IV</b>	<b>10% tiết kiệm chi thường xuyên tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>0</b>	<b>8.900.000</b>	<b>8.900.000</b>	
<b>V</b>	<b>Chi từ nguồn tăng thu để cải cách tiền lương</b>	<b>0</b>	<b>9.105.000</b>	<b>9.105.000</b>	
<b>VI</b>	<b>Chi từ nguồn NS tỉnh hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ</b>	<b>18.188.000</b>	<b>18.188.000</b>	<b>18.188.000</b>	

*Handwritten signature*

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 350 /BC-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của UBND thành phố Đông Hà)

Đơn vị: Ngân đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	700.728.000	784.550.008	765.189.000		
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	688.900.000	467.030.000	676.390.000	209.360.000	144,83
-	Thu NSDP hưởng 100%	31.560.000	28.877.000	28.920.000		
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	657.340.000	438.153.000	647.470.000		
II	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>11.828.000</b>	<b>22.595.372</b>	<b>88.799.000</b>		
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	0	0			
2	Thu bổ sung có mục tiêu	11.828.000	22.595.372	88.799.000		
-	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương			41.383.000		
-	Bổ sung có mục tiêu hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ	11.828.000	0	47.416.000		
III	<b>Nguồn tự đảm bảo cải cách tiền lương năm trước chuyển sang</b>					
IV	Thu kết dư		<b>18.989.436</b>			

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		275.935.201			
B	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>700.728.000</b>	<b>796.378.008</b>	<b>765.189.000</b>	<b>64.461.000</b>	<b>109,20</b>
I	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>700.728.000</b>	<b>673.688.649</b>	<b>765.189.000</b>	<b>64.461.000</b>	<b>109,20</b>
1	Chi đầu tư phát triển (1)	307.390.000	205.345.000	305.154.000	-2.236.000	99,27
2	Chi thường xuyên	357.324.500	449.515.649	412.753.800	55.429.300	115,51
3	Dự phòng ngân sách	10.373.500	7.000.000	11.088.200	714.700	106,89
4	10% tiết kiệm chi thường xuyên tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	8.812.000	0	8.900.000	88.000	
5	Chi từ nguồn tăng thu để cải cách tiền lương	5.000.000		9.105.000	4.105.000	182,10
6	Chi nộp trả ngân sách tỉnh		0	0	0	
7	Chi các nhiệm vụ cần thiết phát sinh				0	
8	Chi từ nguồn NS tính hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ	11.828.000	11.828.000	18.188.000	6.360.000	
II	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>					
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ					
III	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>		<b>122.689.359</b>			
C	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)</b>					

(3) Đối với các chi tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với ước thực hiện năm hiện hành.

Đối với các chi tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với dự toán năm hiện hành.

## DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số **350** /BC-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023 của UBND thành phố Đông Hà)Đơn vị: *Ngàn đồng*

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2023		Dự toán năm 2024		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>491.629.000</b>	<b>471.597.000</b>	<b>702.200.000</b>	<b>676.390.000</b>	<b>142,83</b>	<b>143,43</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>491.629.000</b>	<b>471.597.000</b>	<b>702.200.000</b>	<b>676.390.000</b>	<b>142,83</b>	<b>143,43</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	242.000					
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)	4.269.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	46,85	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	222.360.000	222.360.000	227.500.000	227.500.000	102,31	102,31
3.1	Thuế giá trị gia tăng	177.755.000	177.755.000	182.055.000	182.055.000	102,42	102,42
3.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.000.000	39.000.000	45.300.000	45.300.000	116,15	116,15
3.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	355.000	355.000	145.000	145.000	40,85	40,85
3.4	Thuế tài nguyên	5.250.000	5.250.000	0	0	0,00	0,00
4	Thuế thu nhập cá nhân	43.000.000	43.000.000	45.000.000	45.000.000	104,65	104,65
5	Thuế bảo vệ môi trường						
6	Lệ phí trước bạ	60.760.000	60.760.000	54.000.000	54.000.000	88,87	88,87
	Thu phí, lệ phí, trong đó	10.047.000	7.247.000	8.500.000	6.500.000	84,60	89,69

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2023		Dự toán năm 2024		So sánh (%)	
		Tổng thu	Thu	Tổng thu	Thu	Tổng thu	Thu
		NSNN	NSDP	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP
-	<i>Phí và lệ phí trung ương, tỉnh</i>	2.800.000		2.000.000		71,43	
-	<i>Phí và lệ phí tỉnh</i>						
-	<i>Phí và lệ phí huyện, xã, trong đó</i>	7.247.000	7.247.000	6.500.000	6.500.000	89,69	89,69
	<i>Phí môn bài</i>	3.440.000	3.440.000	2.880.000	2.880.000		
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0	0	0		
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	100,00	100,00
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	20.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000	100,00	100,00
11	Thu tiên sử dụng đất	100.000.000	95.000.000	322.200.000	306.090.000	322,20	322,20
11.1	Thu đầu giá QSD đất	25.000.000	23.750.000	300.000.000	285.000.000	1.200,00	1.200,00
11.2	Thu chuyển mục đích, cấp đất mới	75.000.000	71.250.000	22.200.000	21.090.000	29,60	29,60
11	Thu khác ngân sách	14.300.000	9.030.000	10.700.000	5.000.000	74,83	55,37
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	500.000	500.000	300.000	300.000	60,00	60,00
13	Thu khác tại phường	300.000	300.000		0	0,00	0,00
14	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)	3.300.000	0	2.000.000	0	60,61	
15	Thu tiên cấp quyền khai thác khoáng sản	2.551.000	1.400.000				
II	<b>Thu từ dầu thô</b>						
III	<b>Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu</b>						
IV	<b>Thu viện trợ</b>						

*Handwritten signature*



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024**Kèm theo Báo cáo số **350** /BC-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023 của UBND thành phốĐơn vị: *Ngàn đồng*

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>700.728.000</b>	<b>765.189.000</b>	<b>64.461.000</b>	<b>109,20</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>700.728.000</b>	<b>765.189.000</b>	<b>64.461.000</b>	<b>109,20</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển (1)</b>	<b>307.390.000</b>	<b>305.154.000</b>	<b>-2.236.000</b>	<b>99,27</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	307.390.000	305.154.000	-2.236.000	99,27
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			0	
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	300.000.000	300.000.000	0	100,00
-	<i>Chi đầu tư XD CB tập trung</i>	7.390.000	5.154.000	-2.236.000	69,74
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			0	
3	Chi đầu tư phát triển khác			0	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>357.324.500</b>	<b>412.753.800</b>	<b>55.429.300</b>	<b>115,51</b>
	<i>Trong đó:</i>			0	
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	179.040.100	217.904.900	38.864.800	121,71
2	<i>Chi khoa học và công nghệ (2)</i>			0	
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>10.373.500</b>	<b>11.088.200</b>	<b>714.700</b>	<b>106,89</b>
<b>IV</b>	<b>10% tiết kiệm chi thường xuyên tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>8.812.000</b>	<b>8.900.000</b>	<b>88.000</b>	
<b>V</b>	<b>Chi từ nguồn 50% tăng thu để cải cách tiền lương</b>	<b>5.000.000</b>	<b>9.105.000</b>		<b>182,10</b>
<b>VI</b>	<b>Chi nộp trả ngân sách tỉnh</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>VII</b>	<b>Chi từ nguồn NS tỉnh hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ</b>	<b>11.828.000</b>	<b>18.188.000</b>	<b>6.360.000</b>	<b>153,77</b>
<b>B</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>				

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ  
VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2024**

Kèm theo Báo cáo số **350** /BC-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023  
của UBND thành phố

Đơn vị: Ngân đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>	<b>666.737.500</b>	<b>738.718.000</b>	<b>71.980.500</b>	<b>110,80</b>
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	654.909.500	649.919.000	-4.990.500	99,24
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	11.828.000	88.799.000	76.971.000	750,75
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách			0	
	- Thu bổ trợ thực hiện một số nhiệm vụ	11.828.000	88.799.000	76.971.000	750,75
3	Nguồn tự đảm bảo cải cách tiền lương năm trước chuyển sang	0			
4	Thu kết dư				
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>	<b>666.737.500</b>	<b>738.718.000</b>	<b>71.980.500</b>	<b>110,80</b>
1	Chi ngân sách thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp thành phố	647.704.400	712.278.100	64.573.700	109,97
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	19.033.100	26.439.900	7.406.800	138,92
	- Bổ sung cân đối ngân sách	19.033.100	26.439.900	7.406.800	138,92
	- Bổ sung có mục tiêu			0	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			0	
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH PHƯỜNG</b>			0	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>	<b>53.023.600</b>	<b>52.910.900</b>	<b>-112.700</b>	<b>99,79</b>
1	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	33.990.500	26.471.000	-7.519.500	77,88
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	19.033.100	26.439.900	7.406.800	138,92
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách	19.033.100	26.439.900	7.406.800	138,92
	- Thu bổ sung có mục tiêu				
3	Thu kết dư				
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>	<b>53.023.600</b>	<b>52.910.900</b>	<b>-112.700</b>	<b>99,79</b>
1	Chi ngân sách thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp phường	53.023.600	52.910.900	-112.700	99,79
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới				
	- Bổ sung cân đối ngân sách				
	- Bổ sung có mục tiêu				
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				



## DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

Kèm theo Báo cáo số **850** /BC-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023 của UBND thành phố

Đơn vị: Ngân đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSNN trên địa bàn NSDP hưởng	Thu ngoài quốc doanh	Lệ phí trước bạ	Thu sử dụng đất phi nông nghiệp	Thu phí và lệ phí	Trong đó:		Thu thuế thu nhập cá nhân	Thu khác về thuế	Thu từ quỹ đất công, thu HILCS và thu khác tại phường
								Thu phí, lệ phí TW, tỉnh, huyện	Thu phí, lệ phí phường			
A	B	1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>64.655.000</b>	<b>26.471.000</b>	<b>6.376.500</b>	<b>3.500.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>605.000</b>	<b>0</b>	<b>605.000</b>	<b>10.499.500</b>	<b>190.000</b>	<b>300.000</b>
1	UBND Phường 1	14.265.000	6.211.500	2.031.500	625.000	1.095.000	145.000		145.000	2.275.000	40.000	0
2	UBND Phường 2	2.950.000	1.192.500	250.000	140.000	287.500	40.000		40.000	465.000	10.000	0
3	UBND Phường 3	4.465.000	1.682.500	250.000	275.000	340.000	52.500		52.500	755.000	10.000	0
4	UBND Phường 4	693.000	276.500	20.000	45.000	100.000	21.500		21.500	90.000	0	0
5	UBND Phường 5	15.650.000	6.639.500	2.150.000	550.000	1.295.000	200.000		200.000	2.284.500	50.000	110.000
6	UBND Phường Đông Giang	2.920.000	1.235.000	350.000	140.000	210.000	30.000		30.000	465.000	0	40.000
7	UBND Phường Đông Thanh	3.655.000	1.397.500	215.000	350.000	202.500	15.000		15.000	585.000	0	30.000
8	UBND Phường Đông Lương	16.380.000	5.810.000	660.000	1.150.000	910.000	60.000		60.000	2.860.000	70.000	100.000
9	UBND Phường Đông Lễ	3.677.000	2.026.000	450.000	225.000	560.000	41.000		41.000	720.000	10.000	20.000

Bao gồm

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ VÀ CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024**

Kèm theo Báo cáo số **350** /BC-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023  
của UBND thành phố

Đơn vị: Ngàn đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách thành phố	Ngân sách phường
A	B	1=2+3	2	3
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>765.189.000</b>	<b>712.278.100</b>	<b>52.910.900</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>765.189.000</b>	<b>712.278.100</b>	<b>52.910.900</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển (1)</b>	<b>305.154.000</b>	<b>305.154.000</b>	<b>0</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	305.154.000	305.154.000	0
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>	<i>305.154.000</i>	<i>305.154.000</i>	<i>0</i>
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>300.000.000</i>	<i>300.000.000</i>	
-	<i>Chi đầu tư XD CB tập trung</i>	<i>5.154.000</i>	<i>5.154.000</i>	<i>0</i>
2	Chi đầu tư phát triển khác			
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>412.753.800</b>	<b>360.880.800</b>	<b>51.873.000</b>
	<i>Trong đó:</i>			
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>217.904.900</i>	<i>217.364.900</i>	<i>540.000</i>
2	<i>Chi sự nghiệp môi trường</i>	<i>28.341.000</i>	<i>28.341.000</i>	
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>11.088.200</b>	<b>10.050.300</b>	<b>1.037.900</b>
<b>IV</b>	<b>10% tiết kiệm chi thường xuyên tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>8.900.000</b>	<b>8.900.000</b>	
<b>V</b>	<b>Chi từ nguồn 50% tăng thu để cải cách tiền lương</b>	<b>9.105.000</b>	<b>9.105.000</b>	
<b>VI</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ</b>	<b>18.188.000</b>	<b>18.188.000</b>	
<b>B</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>			

*re*

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC NĂM 2024**(Kèm theo Báo cáo số **350** /BC-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023  
của UBND thành phố Đông Hà)Đơn vị: *Ngàn đồng*

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	<b>CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC</b>	<b>711.683.100</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển (2)</b>	<b>305.154.000</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	305.154.000
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	
3	Chi đầu tư phát triển khác	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>360.285.800</b>
-	Chi cho nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên	5.910.000
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	217.364.900
-	Chi quốc phòng	2.300.000
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.250.000
-	Chi y tế, dân số và gia đình	1.334.200
-	Chi Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao	3.356.500
-	Chi bảo vệ môi trường	28.341.000
-	Chi các hoạt động kinh tế	37.441.100
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	38.486.300
-	Chi bảo đảm xã hội	21.080.000
-	Chi thường xuyên khác	3.421.800
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>10.050.300</b>
<b>IV</b>	<b>10% tiết kiệm chi thường xuyên tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>8.900.000</b>
<b>V</b>	<b>Chi từ nguồn tăng thu để cải cách tiền lương</b>	<b>9.105.000</b>
<b>VI</b>	<b>Chi từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ</b>	<b>18.188.000</b>

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN,  
TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số **350**/BC-UBND ngày **01** tháng **1** năm 2023 của UBND thành phố Đông Hà)

Đơn vị: Ngân đồng

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kê chương trình MTQG)		Chi thường xuyên (Không kê chương trình MTQG)		Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi từ nguồn NS tỉnh hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ	Chi nộp trả ngân sách tỉnh
			1	2	3	4				
A	B	1	2	3	4	5	6	7		
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>712.278.100</b>	<b>305.154.000</b>	<b>360.880.800</b>	<b>10.050.300</b>	<b>18.005.000</b>	<b>18.188.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
A	<b>CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC</b>	<b>351.986.400</b>	<b>0</b>	<b>351.986.400</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
I	<b>KHỐI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</b>	<b>69.017.600</b>		<b>69.017.600</b>						
1	Văn phòng UBND&UBND thành phố	8.958.500		8.958.500						
2	Phòng Văn hóa và Thông tin	1.902.600		1.902.600						
3	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	23.732.800		23.732.800						
4	Phòng Nội vụ	2.357.700		2.357.700						
5	Phòng Quản lý đô thị	6.458.200		6.458.200						
6	Phòng Tài nguyên và Môi trường	9.081.700		9.081.700						
7	Phòng Kinh tế	3.107.200		3.107.200						
8	Phòng Tư pháp	647.300		647.300						
9	Thanh tra	1.441.400		1.441.400						

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi từ nguồn NS tỉnh hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ	Chi nộp trả ngân sách tỉnh
10	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.790.600		1.790.600				
11	Phòng Y tế	952.900		952.900				
12	Đội Trật tự xây dựng	811.200		811.200				
13	Phòng Giáo dục và Đào tạo	7.775.500		7.775.500				
<b>II</b>	<b>KHỐI ĐÀNG, ĐOÀN THỂ</b>	<b>10.669.800</b>		<b>10.669.800</b>				
1	Thành ủy Đông Hà	10.669.800		10.669.800				
<b>III</b>	<b>KHỐI MẶT TRẬN, ĐOÀN THỂ</b>	<b>5.509.900</b>		<b>5.509.900</b>				
1	UBMTTQVN thành phố	1.755.100		1.755.100				
2	Đoàn thanh niên CS HCM	895.200		895.200				
3	Hội Liên hiệp phụ nữ	1.054.700		1.054.700				
4	Hội Nông dân	757.900		757.900				
5	Hội Cựu chiến binh	681.500		681.500				
6	Hội Người mù	365.500		365.500				
<b>IV</b>	<b>HỘI ĐẶC THỪ</b>	<b>756.800</b>		<b>756.800</b>				
1	Hội Chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đày	120.800		120.800				
2	Hội Cựu thanh niên xung phong	120.800		120.800				
3	Hội Người khuyết tật, nạn nhân da cam/dioxin và bảo trợ xã hội thành phố	130.800		130.800				

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi từ nguồn NS tỉnh hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ	Chi nộp trả ngân sách tỉnh
4	Hội Người cao tuổi	140.800		140.800				
5	Hội Khuyến học	130.800		130.800				
6	Hội Đông Y	112.800		112.800				
<b>V</b>	<b>KHỐI SỰ NGHIỆP</b>	<b>61.608.100</b>		<b>61.608.100</b>				
1	Trung tâm Chính trị	1.202.900		1.202.900				
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên	7.448.800		7.448.800				
3	Trung tâm Phát triển quỹ đất	1.900.000		1.900.000				
4	Trung tâm Văn hóa Thông tin - Thể dục thể thao	4.006.500		4.006.500				
5	Hội Chữ Thập đỏ	462.500		462.500				
6	Trung tâm Phát triển Cụm công nghiệp - Khuyến công và dịch vụ công ích	46.587.400		46.587.400				
<b>VI</b>	<b>KHỐI CÁC TRƯỜNG HỌC</b>	<b>197.814.200</b>		<b>197.814.200</b>				
<b>VII</b>	<b>An ninh - Quốc phòng</b>	<b>3.955.000</b>		<b>3.955.000</b>				
1	Công an thành phố	1.600.000		1.600.000				
2	Ban chỉ huy quân sự thành phố	2.355.000		2.355.000				
<b>VIII</b>	<b>Hỗ trợ các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn</b>	<b>155.000</b>		<b>155.000</b>				
<b>IX</b>	<b>Thực hiện các chính sách</b>	<b>2.500.000</b>		<b>2.500.000</b>				



S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi từ nguồn NS tính hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ	Chi nộp trả ngân sách tỉnh
1	Ngân hàng chính sách xã hội (Kinh phí cho vay NSDP)	1.600.000		1.600.000				
2	UBND phường Đông Giang	500.000		500.000				
3	UBND Phường 4	400.000		400.000				
<b>B</b>	<b>CÁC NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</b>	<b>314.048.400</b>	<b>305.154.000</b>	<b>8.894.400</b>				
I	Chi đầu tư phát triển	305.154.000	305.154.000					
II	Chi thường xuyên	8.894.400		8.894.400				
1	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	272.000		272.000				
2	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo	386.000		386.000				
3	Kinh phí chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật	206.000		206.000				
4	Kinh phí tăng lương do tăng biên chế, ngạch bậc ngành giáo dục	950.000		950.000				
5	Kinh phí mua sắm tài sản trang thiết bị trường lớp học	600.000		600.000				
6	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập theo Nghị quyết số 106/2021/NQ-HĐND	220.000		220.000				
7	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho giáo viên và nhân viên làm việc liên trường hoặc nhiều điểm trường theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND	260.000		260.000				

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi từ nguồn NS tính hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ	Chi nộp trả ngân sách tỉnh
8	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 35/2018/NQ-HĐND về hỗ trợ đóng BHXH, BHYT, BHTN cho hợp đồng lao động vị trí nấu ăn các trường mầm non công lập	498.000		498.000				
9	Kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	1.129.000		1.129.000				
10	Đào tạo, tập huấn	400.000		400.000				
11	thông tin, Hội đồng KHCN, tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa...	400.000		400.000				
12	phương	120.000		120.000				
13	Kinh phí quyết toán công trình hoàn thành nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư	659.200		659.200				
14	Phòng chống dịch bệnh	100.000		100.000				
15	Hỗ trợ công tác thu	400.000		400.000				
16	Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính	700.000		700.000				
17	Kinh phí thực hiện công tác chỉnh lý hồ sơ tài liệu đưa vào lưu trữ	300.000		300.000				
18	Diễn tập khu vực phòng thủ phường	200.000		200.000				
19	Hỗ trợ trang bị máy móc thiết bị phục vụ công tác của các cơ quan hành chính, Đảng, Đoàn thể năm 2023	174.000		174.000				
20	Kinh phí cập nhật phân mềm kê toán hành chính sự nghiệp	264.000		264.000				
21	Kinh phí gia hạn phần mềm quản lý tài sản	122.000		122.000				
22	Hỗ trợ kinh phí hoạt động dân số	34.200		34.200				
23	Kinh phí kỷ niệm các ngày lễ lớn, kinh phí tổ chức các sự kiện lớn trong năm và các nhiệm vụ khác	500.000		500.000				



S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi từ nguồn NS tính hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ	Chi nộp trả ngân sách tỉnh
C	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	10.050.300			10.050.300			
D	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	18.005.000				18.005.000		
E	CHI BỔ SUNG CỎ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (2)	0						
F	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	0						
G	CHI TỬ NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ	18.188.000					18.188.000	

**DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN,  
TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024**

Biểu mẫu số 37

(Kèm theo Báo cáo số **350** /BC-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023 của UBND thành phố Đông Hà)

DVT: Ngàn đồng

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng	Chi an nhinh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi Văn hóa thông tin- TDTT	Chi bảo vệ môi trường	Chi cho nhiệm vụ đặc, dăng ký đất đai, XD CSDL đất đai	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
											Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7		8	9	10	11	12	13
	<b>TỔNG SỐ</b>	360.880.800	217.364.900	2.300.000	1.250.000	1.334.200	3.356.500	28.341.000	5.910.000	38.036.100	5.250.000	1.540.000	38.486.300	21.080.000	3.421.800
A	<b>CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC</b>	351.986.400	212.715.900	2.100.000	1.250.000	1.300.000	3.356.500	28.341.000	5.910.000	36.456.900	5.250.000	1.540.000	38.486.300	20.808.000	1.261.800
I	<b>KHỐI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</b>	69.017.600	6.250.000	140.000	0	1.300.000	0	1.720.000	5.910.000	10.323.000	0	1.540.000	22.606.600	20.718.000	50.000
1	Văn phòng UBND thành phố	8.958.500								1.878.500			7.080.000		
2	Phòng Văn hóa và Thông tin	1.902.600								780.000			1.122.600		
3	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	23.732.800				1.300.000				500.000			1.214.800	20.718.000	
4	Phòng Nội vụ	2.357.700											2.357.700		
5	Phòng Quản lý đô thị	6.458.200								5.320.000			1.138.200		
6	Phòng Tài nguyên và Môi trường	9.081.700						1.720.000					1.451.700		
7	Phòng Kinh tế	3.107.200								1.840.000		1.540.000	1.267.200		
8	Phòng Tư pháp	647.300											647.300		
9	Thanh tra	1.441.400											1.391.400		50.000
10	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.790.600											1.790.600		
11	Phòng Y tế	952.900		140.000						4.500			808.400		
12	Đội Trật tự xây dựng	811.200											811.200		
13	Phòng Giáo dục và Đào tạo	7.775.500	6.250.000										1.525.500		
II	<b>KHỐI ĐÀNG, ĐOÀN THỂ</b>	10.669.800	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10.669.800	0	0
1	Thành ủy Đông Hà	10.669.800											10.669.800		
III	<b>KHỐI MẶT TRÀN, ĐOÀN THỂ</b>	5.509.900	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5.209.900	0	300.000
1	UBMTTQVN thành phố	1.755.100											1.555.100		200.000
2	Đoàn thanh niên CS HCM	895.200											795.200		100.000







S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi Văn hóa thông tin- TDTT	Chi bảo vệ môi trường	Chi cho nhệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, XD CSDL đất đai	Chi các hoạt động kính tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
											Chi giao thông	Chi nông nghiệp, làm nghiep, thủy lợi, thủy sản			
8	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 35/2018/NQ-HĐND về hỗ trợ đồng BHXH, BHYT, BHTN cho hợp đồng lao động vị trí nấu ăn các trường mầm non công lập	498.000	498.000												
9	Kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	1.129.000	1.129.000												
10	Đào tạo, tập huấn	400.000	400.000												
11	XD các dự án kêu gọi đầu tư, triển khai ứng dụng thông tin, Hội đồng KHCN, tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa...	400.000								400.000					
12	Kinh phí điều tra phục vụ yêu cầu quản lý của địa phương	120.000								120.000					
13	Kinh phí quyết toán công trình hoàn thành nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư	659.200								659.200					
14	Phòng chống dịch bệnh	100.000								100.000					
15	Hỗ trợ công tác thu	400.000												400.000	
16	Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính	700.000												700.000	
17	Kinh phí thực hiện công tác chính lý hồ sơ tài liệu đưa vào lưu trữ	300.000								300.000					
18	Diện tập khu vực phòng thủ phương	200.000		200.000											
19	Hỗ trợ trang bị máy móc thiết bị phục vụ công tác của các cơ quan hành chính, Đảng, Đoàn thể năm 2023	174.000												174.000	
20	Kinh phí cấp nhật phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp	264.000												264.000	



S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi Văn hóa thông tin- TDTT	Chi bảo vệ môi trường	Chi cho nhệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, XD đất đai	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
											Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
21	Kinh phí gia hạn phần mềm quản lý tài sản	122.000													122.000
22	Hỗ trợ kinh phí hoạt động dân số	34.200				34.200									
23	Kinh phí kỷ niệm các ngày lễ lớn, kinh phí tổ chức các sự kiện lớn trong năm và các nhiệm vụ khác	500.000													500.000



**BẢNG PHÂN BỐ DỰ TOÁN  
CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số **350** /BC-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023 của  
UBND thành phố Đông Hà)

Đơn vị: Ngàn đồng

STT	Đơn vị	Dự toán năm 2024
	<b>Chi sự nghiệp kinh tế và môi trường</b>	<b>72.287.100</b>
<b>I</b>	<b>Chi cho nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên</b>	<b>5.910.000</b>
1	Phòng Tài nguyên và Môi trường	<b>5.910.000</b>
-	Rà soát, đo đạc lập phương án quản lý, khai thác đất chưa sử dụng	300.000
-	Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm	495.000
-	Thống kê đất đai hàng năm	200.000
-	Kiểm kê đất đai năm 2024	800.000
-	Kiểm tra, giải quyết đơn thư, cung cấp chứng cứ tòa án, xử lý vi phạm về đất đai	125.000
-	Cập nhật hồ sơ cấp giấy, giao đất; quy hoạch	15.000
-	Chi nhiệm vụ Giao đất các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước quản lý (cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao đất bổ sung)	10.000
-	Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	900.000
-	Đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính thường xuyên trên địa bàn thành phố Đông Hà	2.000.000
-	Tổ chức xác định giá đất	1.065.000
<b>II</b>	<b>Sự nghiệp Môi trường</b>	<b>28.341.000</b>
<b>1</b>	<b>Hoạt động môi trường công ích (Trung tâm PT CCN-KC và DVCI thành phố)</b>	<b>24.300.000</b>
<b>2</b>	<b>Phòng Tài nguyên và Môi trường</b>	<b>1.720.000</b>
-	Các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường, kiểm tra giám sát bảo vệ môi trường	350.000
-	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm	400.000
-	Thu gom, vận chuyển và xử lý bao bì thuốc BVTV trên địa bàn thành phố	120.000
-	Mua sắm trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu	450.000
-	Phân tích, đánh giá các điểm tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật	400.000
<b>3</b>	<b>Trung tâm PT CCN-KC và DVCI thành phố (vận hành hệ thống xử lý nước thải)</b>	<b>2.321.000</b>
-	Kinh phí vận hành hệ thống xử lý nước thải	1.705.000
-	Quan trắc chất lượng nước thải	120.000
-	Chi phí vận hành Trạm quan trắc tự động	276.000
-	Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Trạm xử lý nước thải thành phố	220.000
<b>III</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>38.036.100</b>
<b>1</b>	<b>Sự nghiệp kiến thiết thị chính: Trung tâm PT CCN-KC và DVCI thành phố</b>	<b>11.580.000</b>



STT	Đơn vị	Dự toán năm 2024
1.1	Chi phí quản lý cơ sở hạ tầng đô thị, công viên, quản trang, vận hành điện chiếu sáng	1.680.000
1.2	Tiền điện chiếu sáng	8.800.000
1.3	Duy trì, sửa chữa thường xuyên hệ thống điện chiếu sáng	800.000
1.4	Chi phí công viên, phục vụ tết	300.000
<b>2</b>	<b>Sự nghiệp Giao thông</b>	<b>5.250.000</b>
2.1	Trung tâm PT CCN-KC và DVCI thành phố	5.250.000
-	Nâng cấp Kiệt 229 đường Lý Thường Kiệt, Phường 5	1.070.000
-	Sửa chữa, nâng cấp kết cấu mặt đường và hệ thống thoát nước Kiệt 15 đường Chu Mạnh Trinh	1.400.000
-	Sửa chữa đột xuất các tuyến đường giao thông trên địa bàn thành phố	1.300.000
-	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông và hệ thống thoát nước đường sau trường sau trường mầm non Hương Sen (cơ sở II)	1.200.000
-	Sửa chữa nâng cấp đường Đào Tấn	280.000
<b>3</b>	<b>Công nghiệp - TTCN - TM</b>	<b>280.000</b>
3.1	Phòng Kinh tế:	80.000
-	Hỗ trợ nâng cao năng lực phát triển DN-TM	80.000
3.2	Hỗ trợ khuyến công: Trung tâm PT CCN-KC và DVCI thành phố	200.000
<b>4</b>	<b>Nông nghiệp</b>	<b>1.540.000</b>
4.1	Phòng Kinh tế	1.090.000
-	Trồng trọt, chăn nuôi, KT tập thể, thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi, chỉ đạo kỹ thuật tổng kết mô hình vụ, năm...	140.000
-	Kinh phí chương trình OCOP thành phố	170.000
-	Nâng cấp, sửa chữa kênh tưới Thanh Niên	350.000
-	Thay bộ máy bơm và hệ thống ống hút và xã trạm bơm số 2	160.000
-	Thay mới đường dây điện trạm bơm Đồng Hoang	170.000
-	Nâng cấp bộ phận vận hành đập Lạng Phước, phường Đông Lễ	100.000
4.2	Phòng Kinh tế: Hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp đô thị	450.000
<b>5</b>	<b>Quy hoạch và quản lý đô thị</b>	<b>6.320.000</b>
5.1	Phòng Quản lý đô thị	5.320.000
-	Điều chỉnh quy hoạch phân khu các phường	2.300.000
-	Sửa chữa, lắp đặt biển báo hiệu giao thông, biển tên đường, tên kiệt, thống kê số nhà năm 2024	600.000
-	Thống kê, gắn biển cây xanh đường phố 2024	500.000
-	Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị thành phố	400.000
-	Sơn vạch kẻ đường, gờ giảm tốc trên các tuyến đường năm 2024	800.000
-	Hoàn thiện đề án Nâng loại đô thị thành phố Đông Hà đạt đô thị loại II.	720.000
5.2	Trung tâm Phát triển quỹ đất	1.000.000
-	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các khu đất lẻ	300.000

STT	Đơn vị	Dự toán năm 2024
-	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 KDC đường Trần Huy Liệu, phường Đông Thanh	400.000
-	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 KDC dãy 2 đường Khoá Bảo và đường Thành Cổ, Phường 3	250.000
-	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 KDC Cổ Hoá mở rộng	50.000
<b>6</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế khác</b>	<b>12.741.600</b>
6.1	Trung tâm PT CCN-KC và DVCI thành phố	747.400
-	Chi con người	491.600
-	Chi định mức	64.800
-	Chi công việc	191.000
6.2	Hội chữ thập đỏ	372.500
-	Chi con người	251.500
-	Chi định mức	26.000
-	Chi công việc	95.000
6.3	Kinh phí điều tra phục vụ yêu cầu quản lý địa phương	120.000
6.4	Trung tâm Phát triển quỹ đất	900.000
-	Đo đạc cắm mốc các lô lẻ trên địa bàn thành phố để đưa vào đấu giá QSD đất	300.000
-	Kinh phí phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất năm 2024	600.000
6.5	XD các dự án kêu gọi đầu tư, triển khai ứng dụng thông tin, Hội đồng KH-CN, tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, thực hiện các đề tài, đề án ...	400.000
6.6	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố:	500.000
-	Kinh phí thực hiện đề án giảm nghèo giai đoạn 2021-2025	200.000
-	Đối ứng công trình Nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang liệt sỹ phường Đông Lương	300.000
6.7	NH CSXH tỉnh Quảng Trị: Kinh phí cho vay ngân sách địa phương	1.600.000
6.8	Văn phòng HĐND và UBND thành phố	1.878.500
-	Chi phí thuê, chuyển trụ sở HĐND và UBND thành phố để xây dựng Trung tâm hành chính thành phố	200.000
-	Duy trì hoạt động đường truyền tín hiệu camera cho hệ thống camera giám sát giao thông và giám sát an ninh trật tự thuộc dự án Hạ tầng thực hiện Đề án xây dựng đô thị thông minh thành phố Đông Hà giai đoạn 2021 – 2025 định hướng đến năm 2030	319.000
-	Duy trì hoạt động đường truyền tín hiệu camera cho hệ thống 115 camera giám sát sát an ninh trật tự trên địa bàn thành phố được đầu tư năm 2020	404.000
-	Chi phí duy trì vận hành, bảo trì hệ thống máy chủ	287.000
-	Đường truyền số liệu Metronet	148.500
-	Chi phí phá dỡ trụ sở HĐND & UBND TP để xây dựng Trung tâm hành chính thành phố	400.000
-	Duy trì, duy tu, bảo dưỡng các trạm cảnh báo ngập lụt của hệ thống cảnh báo ngập lụt tại cộng đồng	120.000
6.9	Trung tâm PT CCN-KC và DVCI thành phố	1.600.000

STT	Đơn vị	Dự toán năm 2024
-	Xây dựng điểm hoa trang trí tại công viên Lê Duẩn	1.100.000
-	Xây dựng điểm hoa trang trí tại công viên tỉnh ủy và các vị trí trọng điểm trên địa bàn thành phố	500.000
6.10	Trung tâm Văn hoá Thông tin - Thể dục Thể thao	650.000
-	Sửa chữa hệ thống điện, sân đường bê tông phía trước và chống dột mái nhà tập luyện thể thao Trung tâm VH TT & TDTT	410.000
-	Nâng cấp pano tuyên truyền chính trị	40.000
-	Lắp đặt pano hoa tuyên truyền các ngày lễ lớn	200.000
6.11	Phòng Văn hoá và Thông tin	780.000
-	Duy trì dự án thành phần thuộc Đề án xây dựng đô thị thông minh	660.000
-	Xây dựng bổ sung 06 cụm pano truyền thông về xây dựng gia đình hạnh phúc (cụm pano + bộ truyền thông điện tử)	120.000
6.12	UBND phường Đông Giang: Nâng cấp tuyến đường từ Trần Hoàn đến Nhà Phòng chống lụt bão Khu phố 6	500.000
6.13	UBND Phường 4: Xây dựng Nhà bảo vệ và nâng cấp mở rộng bộ phận một cửa Phường 4	400.000
6.14	Trung tâm PT CCN-KC và DVCI thành phố: Chi phí quản lý, giám sát hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích	589.000
6.15	Kinh phí thực hiện công tác chỉnh lý hồ sơ tài liệu đưa vào lưu trữ	300.000
6.16	Công an thành phố:	350.000
-	Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn thành phố Đông Hà giai đoạn 2022-2026	350.000
6.17	Ban chỉ huy quân sự thành phố	395.000
-	Đề án Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025	395.000
6.18	Kinh phí quyết toán công trình hoàn thành nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư	659.200
<b>7</b>	<b>Phòng chống dịch bệnh</b>	<b>100.000</b>
<b>8</b>	<b>Phòng chống lụt bão</b>	<b>154.500</b>
8.1	Phòng Kinh tế	150.000
8.2	Phòng Y tế	4.500
<b>9</b>	<b>Phòng chống cháy rừng</b>	<b>70.000</b>
9.1	Phòng Kinh tế	70.000

## PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 350 /BC-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của UBND thành phố Đông Hà)

Đơn vị: Ngàn đồng

TT	Đơn vị	Biên chế kế hoạch	Hợp đồng	Dự toán năm 2024	Trong đó		
					Chi con người	Chi định mức	Chi đặc thù
A	B	1	2	3=4+5+6	4	5	6
	Tổng số	167	7	38.486.300	25.360.800	2.162.900	10.962.600
I	Khối quản lý nhà nước	109	5	21.656.600	14.918.800	1.441.100	5.296.700
1	Văn phòng UBND&UBND thành phố	25		7.080.000	3.764.100	324.000	2.991.900
	+ Chi con người và định mức			3.649.600	3.325.600	324.000	
	+ Hoạt động của UBND			1.289.300	438.500		850.800
	+ Hoạt động của UBND			2.141.100	*		2.141.100
2	Phòng Văn hóa và Thông tin	6		1.122.600	769.800	77.800	275.000
3	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	8		1.214.800	1.081.100	103.700	30.000
4	Phòng Nội vụ	9		1.407.700	986.000	116.700	305.000
5	Phòng Quản lý đô thị	8		1.138.200	934.500	103.700	100.000
6	Phòng Tài nguyên và Môi trường	10		1.451.700	1.282.100	129.600	40.000
7	Phòng Kinh tế	8		1.267.200	1.027.500	103.700	136.000
8	Phòng Tư pháp	3		647.300	388.400	38.900	220.000
9	Thanh tra	6		1.391.400	962.800	77.800	350.800
10	Phòng Tài chính - Kế hoạch	10		1.790.600	1.211.000	129.600	450.000
11	Phòng Y tế	4		808.400	511.500	51.900	245.000

TT	Đơn vị	Biên chế kế hoạch	Hợp đồng	Dự toán năm 2024	Trong đó		
					Chi con người	Chi định mức	Chi đặc thù
A	B	1	2	3=4+5+6	4	5	6
12	Đội Trật tự xây dựng	3	5	811.200	591.200	67.000	153.000
13	Phòng Giáo dục và Đào tạo	9		1.525.500	1.408.800	116.700	
<b>II</b>	<b>Khối mặt trận, DT, Hội</b>	<b>23</b>	<b>2</b>	<b>5.209.900</b>	<b>3.508.900</b>	<b>320.000</b>	<b>1.381.000</b>
14	UBMTTQVN thành phố	7		1.555.100	990.300	90.800	474.000
15	Đoàn thanh niên CS HCM	4		795.200	528.300	51.900	215.000
16	Hội Liên hiệp phụ nữ	4		1.054.700	752.800	51.900	250.000
17	Hội Nông dân	3		757.900	519.000	38.900	200.000
18	Hội Cựu chiến binh	3		681.500	470.600	38.900	172.000
19	Hội Người mù	2	2	365.500	247.900	47.600	70.000
<b>III</b>	<b>Khối Đảng (Thành ủy Đông Hà)</b>	<b>35</b>		<b>10.519.800</b>	<b>6.933.100</b>	<b>401.800</b>	<b>3.184.900</b>
	+ Chi con người và định mức			6.105.800	5.704.000	401.800	
	+ Chi các khoản phụ cấp khác			1.229.100	1.229.100		
	+ Chi hoạt động			3.184.900			3.184.900
<b>IV</b>	<b>Kinh phí khen thưởng</b>			<b>1.100.000</b>			<b>1.100.000</b>
-	<i>Phòng Nội vụ</i>			<i>950.000</i>			<i>950.000</i>
-	<i>Thành ủy Đông Hà</i>			<i>150.000</i>			<i>150.000</i>

*Pa*

## DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP VĂN XÃ THÀNH PHỐ NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 350 /BC-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2023 của UBND thành phố Đông Hà)

Đơn vị: Ngân đồng

Đơn vị	Biên chế kế hoạch	Hợp đồng	Dự toán năm 2024	Trong đó			
				Chi cho con người	Chi cho công việc		
					Tổng số	T.xuất	Sự nghiệp
A	1	2	3=4+5	4	5=6+7	6	7
Tổng số	1.174	0	243.135.600	183.285.800	59.849.800	13.763.600	46.086.200
<b>I. Sự nghiệp Văn hóa Thông tin - Thể dục Thể thao</b>	<b>19</b>	<b>0</b>	<b>3.356.500</b>	<b>1.760.200</b>	<b>1.596.300</b>	<b>246.300</b>	<b>1.350.000</b>
1. Trung tâm Văn hóa Thông tin - Thể dục Thể thao	19	0	3.356.500	1.760.200	1.596.300	246.300	1.350.000
<b>II. Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo</b>	<b>1.155</b>	<b>0</b>	<b>217.364.900</b>	<b>181.525.600</b>	<b>35.839.300</b>	<b>13.517.300</b>	<b>22.322.000</b>
1. Chi sự nghiệp giáo dục	1.152	0	215.712.000	181.132.600	34.579.400	13.478.400	21.101.000
1.1. Các trường học trực thuộc	1.107	0	197.814.200	173.510.300	24.303.900	12.951.900	11.352.000
Trường Mầm non Hoa Sen	29,0		4.560.700	3.967.900	592.800	339.300	253.500
Trường Mầm non Tuổi Thơ	19,0		3.265.500	2.809.700	455.800	222.300	233.500
Trường Mầm non Hương Dương	29,5		4.623.750	4.025.100	598.650	345.150	253.500
Trường Mầm non Phương 2	20,0		3.290.000	2.822.500	467.500	234.000	233.500
Trường Mầm non Tuổi Hoa	25,0		4.431.500	3.885.500	546.000	292.500	253.500
Trường Mầm non Phương 4	20,0		3.064.500	2.497.000	567.500	234.000	333.500
Trường Mầm non Hương Sen	39,5		6.207.350	5.431.700	775.650	462.150	313.500
Trường Mầm non Đông Lương	31,0		4.628.700	4.002.500	626.200	362.700	263.500
Trường Mầm non Đông Lễ	18,5		2.957.050	2.507.100	449.950	216.450	233.500
Trường Mầm non Đông Giang	19,0		2.984.500	2.498.700	485.800	222.300	263.500
Trường Mầm non Đông Thanh	20,0		3.324.800	2.857.300	467.500	234.000	233.500
Trường Mầm non Sao Mai	31,0		5.586.500	4.970.300	616.200	362.700	253.500
Trường Tiểu học Hùng Vương	53,0		10.775.100	9.613.000	1.162.100	620.100	542.000



Đơn vị	Biên chế kế hoạch	Hợp đồng	Dự toán năm 2024	Trong đó				
				Chi cho con người	Chi cho công việc			Sự nghiệp
					Tổng số	T. xuyến		
A	1	2	3=4+5	4	5=6+7	6	7	
Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành	38,5		8.096.750	7.224.300	872.450	450.450	422.000	
Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	34,0		6.605.500	5.755.700	849.800	397.800	452.000	
Trường Tiểu học Sông Hiếu	28,0		4.931.300	4.121.700	809.600	327.600	482.000	
Trường Tiểu học Hòa Bình	28,0		5.143.900	4.312.300	831.600	327.600	504.000	
Trường Tiểu học Hàm Nghi	53,0		10.833.800	9.769.700	1.064.100	620.100	444.000	
Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	37,0		7.873.700	6.916.800	956.900	432.900	524.000	
Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	46,0		8.529.400	7.567.200	962.200	538.200	424.000	
Trường Tiểu học Đông Lễ	23,5		4.245.950	3.467.000	778.950	274.950	504.000	
Trường Tiểu học Đông Giang	22,0		3.828.100	3.136.700	691.400	257.400	434.000	
Trường Tiểu học Đông Thanh	24,5		4.159.150	3.338.500	820.650	286.650	534.000	
Trường THCS Nguyễn Trãi	49,0		8.624.800	7.818.000	806.800	573.300	233.500	
Trường THCS Trần Hưng Đạo	58,0		10.071.700	9.159.600	912.100	678.600	233.500	
Trường THCS Nguyễn Huệ	47,0		8.637.600	7.854.200	783.400	549.900	233.500	
Trường THCS Phan Đình Phùng	63,5		11.376.250	10.399.800	976.450	742.950	233.500	
Trường THCS Nguyễn Du	39,0		6.725.300	6.045.500	679.800	456.300	223.500	
Trường THCS Hiếu Giang	32,5		5.866.350	5.222.600	643.750	380.250	263.500	
Trường TH và THCS Phường 2	49,0		8.690.900	7.603.600	1.087.300	573.300	514.000	
Trường TH và THCS Phường 3	43,0		8.191.300	7.174.200	1.017.100	503.100	514.000	
Trường TH và THCS Phường 4	37,0		5.682.500	4.734.600	947.900	432.900	515.000	
1.2. Trung tâm GDNN-GDTX thành phố	45		7.398.800	6.672.300	726.500	526.500	200.000	
1.3. Phòng Giáo dục và Đào tạo: Kinh phí hoạt động ngành (Đã bao gồm kinh phí bồi dưỡng học sinh giỏi, ngày nhà giáo Việt Nam 20-11)			1.100.000		1.100.000		0	1.100.000



Đơn vị	Biên chế kế hoạch	Hợp đồng	Dự toán năm 2024	Trong đó				
				Chi cho con người	Chi cho công việc			Sự nghiệp
					Tổng số	T. xuyê n		
A	1	2	3=4+5	4	5=6+7	6	7	
1.4. Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo			386.000					386.000
1.5. Kinh phí chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật			206.000					206.000
1.6. Kinh phí thực hiện Nghị quyết 35/2018/NQ-HĐND về hỗ trợ đóng BHXH, BHYT, BHTN cho hợp đồng lao động vị trí nấu ăn các trường mầm non công lập			498.000					498.000
1.7. Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí			1.129.000					1.129.000
1.8. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập theo Nghị quyết số 106/2021/NQ-HĐND			220.000					220.000
1.9. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho giáo viên và nhân viên làm việc liên trường hoặc nhiều điểm trường theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND			260.000					260.000
1.10. Kinh phí tăng lương do tăng biên chế, ngạch bậc, tăng lương trước thời hạn			950.000	950.000		0		
1.11. Kinh phí mua sắm tài sản trang thiết bị			600.000					600.000
1.12. Sửa chữa, nâng cấp trường lớp, trường chuẩn			3.150.000					3.150.000
* Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố			3.150.000	0			0	3.150.000
Thay mái, sơn, xử lý chống thấm dãy nhà học 3 tầng Trường TH Lê Hồng Phong			950.000					950.000
Sơn 03 dãy nhà học (trừ mặt trước), thay mái tôn dãy nhà học 2 tầng và lát gạch Terazzo sân Trường Tiểu học Sông			1.050.000					1.050.000

Đơn vị	Biên chế kế hoạch	Hợp đồng	Dự toán năm 2024	Trong đó				
				Chi cho con người	Chi cho công việc			Sự nghiệp
					Tổng số	T.xuyên		
A	1	2	3=4+5	4	5=6+7	6	7	
Cải tạo phòng chức năng, xây dựng 02 kho Trường MN Đông Giang (đạt chuẩn)			350.000		350.000		350.000	
Thay mái, sơn sửa dây nhà học 2 tầng và hệ thống thoát nước phía sau Trường TH Nguyễn Tất Thành			800.000		800.000		800.000	
1.13. Kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện sửa chữa trường lớp học			2.000.000	0	2.000.000	0	2.000.000	
* Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố			2.000.000	0	2.000.000	0	2.000.000	
Sơn sửa, xử lý chống thấm khu hiệu bộ, nhà bếp và lát gạch terazzo sân (khu lẻ) Trường Mầm non Đông Giang			250.000		250.000		250.000	
Thay gạch nền dây nhà học 2 tầng và xây dựng nhà học thể dục có mái che Trường Tiểu học Sông Hiếu			600.000		600.000		600.000	
Sơn sửa, xử lý chống thấm dây nhà học 2 tầng (cơ sở 2) Trường TH&THCS Phường 3			600.000		600.000		600.000	
Thay mái, xử lý chống thấm và sơn sửa nhà học bộ môn Trường THCS Trần Hưng Đạo			550.000		550.000		550.000	
2. Chi sự nghiệp đào tạo	3		1.652.900	393.000	1.259.900	38.900	1.221.000	
2.1. Trung tâm Chính trị	3		1.202.900	393.000	809.900	38.900	771.000	
2.2 Trung tâm GDNN-GDTX thành phố: Kinh phí đào tạo nghệ			50.000		50.000		50.000	
2.3 Đào tạo, tập huấn...			400.000		400.000		400.000	
<b>III. Chi bảo đảm xã hội</b>			<b>21.080.000</b>	<b>0</b>	<b>21.080.000</b>	<b>0</b>	<b>21.080.000</b>	
1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội			20.718.000	0	20.718.000	0	20.718.000	
+ Kinh phí trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng BTXH theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP (Bao gồm mai tang phí)			19.178.000	0	19.178.000	0	19.178.000	

Đơn vị	Biên chế kế hoạch	Hợp đồng	Dự toán năm 2024	Trong đó				
				Chi cho con người	Chi cho công việc			Sự nghiệp
					Tổng số	T. xuyên		
A	1	2	3=4+5	4	5=6+7	6	7	
+ Thu gom đối tượng lang thang và CP QL đối tượng..			230.000	0	230.000	0	230.000	
+ Tết, lễ cho DTCS, cứu trợ XH			1.000.000	0	1.000.000	0	1.000.000	
+ Chương trình XDGN, LPVL			250.000	0	250.000	0	250.000	
+ Chương trình trẻ em			40.000	0	40.000	0	40.000	
+ Phòng chống tệ nạn xã hội			20.000		20.000		20.000	
2. Hội chữ thập đỏ: Duy trì HD TT nuôi dạy trẻ em đường phố			90.000	0	90.000	0	90.000	
3. Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội			272.000		272.000		272.000	
<b>IV. Chi sự nghiệp Y tế, dân số</b>			<b>1.334.200</b>		<b>1.334.200</b>	<b>0</b>	<b>1.334.200</b>	
1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Bảo hiểm Y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội			1.300.000		1.300.000		1.300.000	
2. Hỗ trợ kinh phí hoạt động dân số			34.200		34.200		34.200	

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN  
CHI QUỐC PHÒNG - AN NINH THÀNH PHỐ NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số 350/BC-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023  
của UBND thành phố Đông Hà)

Đơn vị: Ngàn đồng

Đơn vị	Dự toán 2024
<b>Tổng số</b>	<b>3.550.000</b>
1. Ban chỉ huy quân sự thành phố	1.960.000
2. Công an thành phố	1.250.000
3. Diễn tập khu vực phòng thủ phường	200.000
4. Phòng Y tế: Kinh phí khám nghĩa vụ quân sự, công an	140.000

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI KHÁC THÀNH PHỐ NĂM 2024**  
(Kèm theo Báo cáo số **350** /BC-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023  
của UBND thành phố Đông Hà)

Đơn vị: Ngàn đồng

TT	Đơn vị	DT năm 2024
	<b>Tổng số</b>	<b>3.421.800</b>
1	Kinh phí kỷ niệm các ngày lễ lớn, kinh phí tổ chức các sự kiện lớn trong năm và các nhiệm vụ khác	500.000
2	UB MTTQVN thành phố: Đại hội Mặt trận cơ sở nhiệm kỳ 2024-2029	200.000
3	Đoàn Thanh niên CS HCM: Đại hội Hội LHTN Việt Nam thành phố Đông Hà lần thứ V nhiệm kỳ 2024-2029	100.000
4	Hỗ trợ các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu địa phương	155.000
5	Hội Chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đày	120.800
6	Hội cựu thanh niên xung phong	120.800
7	Hội Người khuyết tật, nạn nhân da cam/dioxin và bảo trợ xã hội	130.800
8	Hội Người cao tuổi	140.800
9	Hội Khuyến học	130.800
10	Hội Đông Y	112.800
11	Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính	700.000
12	Hỗ trợ công tác thu	400.000
13	Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp	264.000
14	Kinh phí gia hạn phần mềm quản lý tài sản	122.000
15	Hỗ trợ trang bị máy móc thiết bị phục vụ công tác của các cơ quan hành chính, Đảng, Đoàn thể năm 2023	174.000
16	Thanh tra thành phố: Chi từ nguồn thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra	50.000

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI TỪ NGUỒN TỈNH HỖ TRỢ  
THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 350 /NQ-HĐND ngày 01 tháng 11 năm 2023  
của HĐND thành phố Đông Hà)

ĐVT: Ngàn đồng

STT	Đơn vị	Dự toán năm 2024
1	Phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố	200.000
-	Kinh phí phục vụ vận hành hệ thống Tabmis	200.000
2	Hỗ trợ mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy,... của các cơ quan, đơn vị, các xã, phường, thị trấn	500.000
3	Trung tâm Phát triển cụm công nghiệp - Khuyến công và Dịch vụ công ích thành phố	
-	Hỗ trợ kinh phí phục vụ hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường; điện chiếu sáng;	5.000.000
4	Hỗ trợ triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước, tài chính - ngân sách, tài sản công	1.060.000
-	Phần mềm quản lý và tra soát hoá đơn đầu vào - Chứng từ dịch vụ công	352.000
-	Phần mềm quản lý thiết bị trường học	403.000
-	Phần mềm thi đua - khen thưởng	305.000
5	Hỗ trợ thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ (xây dựng đô thị loại II, III; chỉnh trang đô thị, kiến thiết thị chính; tăng cường cơ sở vật chất; xây dựng nông thôn mới;...)	9.000.000
5.1	Trung tâm Phát triển cụm công nghiệp - Khuyến công và Dịch vụ công ích thành phố	8.000.000
-	Hỗ trợ chăm sóc cây xanh, quét rác Công viên Fidel, công viên mini và một số tuyến đường trên địa bàn thành phố mới đưa vào khai thác, quản lý	5.000.000
-	Nâng cấp đường Lý Nam Đế	1.600.000
-	Xây dựng các vườn hoa mini trên địa bàn thành phố Đông Hà	1.000.000
-	Đầu tư nâng cấp hạ tầng, xử lý các điểm ngập úng cục bộ trên địa bàn thành phố	400.000
5.2	UBND Phường Đông Lương	1.000.000
-	Sửa chữa nhà văn hoá khu phố Tân Vĩnh, phường Đông Lương	1.000.000

<b>STT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Dự toán năm 2024</b>
6	Bổ sung kinh phí thực hiện các chế độ chính sách	2.428.000
6.1	Hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh	664.000
6.2	Hỗ trợ công tác khuyến nông và thú y trên địa bàn tỉnh	398.000
6.3	Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	698.000
6.4	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	668.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>18.188.000</b>



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ SỔ BỔ SUNG CÂN ĐỐI  
TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số **350**/BC-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023 của UBND thành phố Đông Hà)

Đơn vị: Ngàn đồng

S T T	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Thu NSDP hưởng 100%		Chia ra		Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối NSDP
				3	4	Thu phân chia					
						Tổng số	Trong đó: Phần NSDP được hưởng				
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6	7	8	9=2+6+7+8	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>64.655.000</b>	<b>26.471.000</b>	<b>810.000</b>	<b>63.845.000</b>	<b>25.661.000</b>	<b>26.439.900</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>52.910.900</b>	
1	UBND Phường 1	14.265.000	6.211.500	90.000	14.175.000	6.121.500	569.400			6.780.900	
2	UBND Phường 2	2.950.000	1.192.500	35.000	2.915.000	1.157.500	3.883.800			5.076.300	
3	UBND Phường 3	4.465.000	1.682.500	50.000	4.415.000	1.632.500	3.886.100			5.568.600	
4	UBND Phường 4	693.000	276.500	20.000	673.000	256.500	4.991.600			5.268.100	
5	UBND Phường 5	15.650.000	6.639.500	260.000	15.390.000	6.379.500				6.639.500	
6	UBND Phường Đông Giang	2.920.000	1.235.000	60.000	2.860.000	1.175.000	4.467.000			5.702.000	
7	UBND Phường Đông Thanh	3.655.000	1.397.500	40.000	3.615.000	1.357.500	3.983.400			5.380.900	
8	UBND Phường Đông Lương	16.380.000	5.810.000	200.000	16.180.000	5.610.000	639.000			6.449.000	
9	UBND Phường Đông Lễ	3.677.000	2.026.000	55.000	3.622.000	1.971.000	4.019.600			6.045.600	

## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG PHƯỜNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 350 /BC-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của UBND thành phố Đông Hà)

Đơn vị: Ngân đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng chi ngân sách địa phương	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương													
			Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên					Dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi từ nguồn N S cấp thành phố hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ
			Tổng số	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước	Tổng số	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ							
A	B	$1 = 2 + 12$	$2 = 3 + 7 + 10 + 11$	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>52.910.900</b>	<b>52.910.900</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>51.873.000</b>	<b>540.000</b>	<b>0</b>	<b>1.037.900</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
1	Phường 1	6.780.900	6.780.900	0			0	6.647.900	60.000		133.000					
2	Phường 2	5.076.300	5.076.300	0			0	4.976.700	60.000		99.600					
3	Phường 3	5.568.600	5.568.600	0			0	5.459.400	60.000		109.200					
4	Phường 4	5.268.100	5.268.100	0			0	5.164.800	60.000		103.300					
5	Phường 5	6.639.500	6.639.500	0			0	6.509.300	60.000		130.200					
6	Phường Đông Giang	5.702.000	5.702.000	0			0	5.590.100	60.000		111.900					
7	Phường Đông Thanh	5.380.900	5.380.900	0			0	5.275.300	60.000		105.600					
8	Phường Đông Lương	6.449.000	6.449.000	0			0	6.322.500	60.000		126.500					
9	Phường Đông Lễ	6.045.600	6.045.600	0			0	5.927.000	60.000		118.600					

**KẾ HOẠCH THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2024  
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NSNN)**

(Kèm theo Báo cáo số **350** /BC-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023  
của UBND thành phố Đông Hà)

Đơn vị: Ngàn đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
<b>I</b>	<b>Sự nghiệp Giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b>	<b>11.549.155</b>	<b>12.218.600</b>	<b>106%</b>
<b>1</b>	<b>Khối Mầm non</b>	<b>4.655.475</b>	<b>4.645.080</b>	<b>100%</b>
	Trường Mầm non Hoa Sen	460.350	445.500	97%
	Trường Mầm non Tuổi Thơ	286.605	297.000	104%
	Trường Mầm non Hướng Dương	472.230	479.655	102%
	Trường Mầm non Phường 2	319.275	304.425	95%
	Trường Mầm non Tuổi Hoa	393.525	393.525	100%
	Trường Mầm non Phường 4	297.000	297.000	100%
	Trường Mầm non Hương Sen	616.275	623.700	101%
	Trường Mầm non Đông Lương	507.870	497.475	98%
	Trường Mầm non Đông Lễ	252.450	252.450	100%
	Trường Mầm non Đông Giang	277.695	282.150	102%
	Trường Mầm non Đông Thanh	297.000	297.000	100%
	Trường Mầm non Sao Mai	475.200	475.200	100%
<b>2</b>	<b>Khối Trung học cơ sở</b>	<b>5.723.280</b>	<b>6.190.260</b>	<b>108%</b>
	Trường THCS Nguyễn Trãi	982.800	1.063.200	108%
	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1.155.600	1.266.240	110%
	Trường THCS Nguyễn Huệ	990.600	1.014.000	102%
	Trường THCS Phan Đình Phùng	1.351.200	1.463.400	108%
	Trường THCS Nguyễn Du	680.400	763.020	112%
	Trường THCS Hiếu Giang	562.680	620.400	110%
<b>3</b>	<b>Khối TH&amp;THCS</b>	<b>890.400</b>	<b>920.160</b>	<b>103%</b>
	Trường TH&THCS Phường 2	350.400	356.400	102%
	Trường TH&THCS Phường 3	259.200	293.760	113%
	Trường TH&THCS Phường 4	280.800	270.000	96%
<b>4</b>	<b>Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên</b>	<b>280.000</b>	<b>463.100</b>	<b>165%</b>
<b>II</b>	<b>Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin</b>	<b>407.000</b>	<b>450.000</b>	<b>111%</b>
<b>1</b>	Trung tâm Văn hóa Thông tin - Thể dục Thể thao	407.000	450.000	111%
<b>III</b>	<b>Sự nghiệp Kinh tế</b>	<b>13.148.000</b>	<b>13.579.090</b>	<b>103%</b>
<b>1</b>	Ban Quản lý chợ Đông Hà	13.148.000	13.579.090	103%
	Thu thuê lô quầy theo phương án được duyệt	13.038.000	13.469.090	103%
	Thu dịch vụ sự nghiệp khác	110.000	110.000	100%